

Chị bảoUBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
TRƯỜNG THÀNH HẢI DƯƠNG**

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ KẾ TOÁN

Hải Dương - 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
TRƯỜNG THÀNH HẢI DƯƠNG**

Ngành: Kế toán

Mã số: 8340301

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ KẾ TOÁN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Bùi Phương Thanh

Hải Dương - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đề án là kết quả nghiên cứu tài liệu và nghiên cứu thực tế của tác giả tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương. Các số liệu, kết quả nêu trong đề án là trung thực, chính xác được tập hợp từ phòng kế toán của công ty và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác. Nếu sai tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính xác thực của đề án.

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

Tác giả

Nguyễn Thị Hương

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và chân thành tới cô giáo TS. Bùi Phương Thanh đã chỉ bảo, hướng dẫn và giúp đỡ tôi rất tận tình trong suốt thời gian thực hiện và hoàn thành đề án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Trường Đại học Hải Dương, Phòng Sau Đại học, Khoa Kế toán - Tài chính là cơ sở đào tạo, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và giúp đỡ tôi trong suốt thời gian nghiên cứu và hoàn thành đề án.

Xin gửi lời cảm ơn đến Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương và các cơ quan, cá nhân đã giúp đỡ tôi về nguồn tư liệu phục vụ cho việc thực hiện đề tài.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn gia đình, những người thân và bạn bè, đồng nghiệp luôn động viên, ủng hộ, giúp tôi tập trung nghiên cứu và hoàn thành bản đề án tốt nghiệp thạc sĩ của mình.

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

Tác giả

Nguyễn Thị Hương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	viii
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	7
1.1. Bản chất, vai trò chức năng của kế toán quản trị chi phí sản xuất.....	7
1.1.1. Bản chất của kế toán quản trị chi phí sản xuất	7
1.1.2. Vai trò, chức năng của kế toán quản trị chi phí sản xuất.....	9
1.2. Đặc điểm hoạt động xây lắp ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	10
1.3. Nội dung của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	12
1.3.1. Đặc điểm chi phí và phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	12
1.3.2. Lập dự toán chi phí sản xuất trong đơn vị xây lắp	18
1.3.3. Xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	22
1.3.4. Xây dựng trung tâm chi phí sản xuất.....	24
1.3.5. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất.....	25
1.3.6. Phân tích và tổ chức công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong hoạt động xây lắp.....	27
1.3.7. Phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn	30
1.3.8. Tổ chức mô hình kế toán phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất	32
1.4. Cơ sở thực tiễn về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	33

1.4.1. Thực tiễn về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	33
1.4.2. Một số bài học kinh nghiệm rút ra cho Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương	35
Tiểu kết chương 1	36
CHƯƠNG 2	37
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH HẢI DƯƠNG.....	37
2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương	37
2.1.1. Đặc điểm tổ chức và quản lý kinh doanh ở Công ty.....	37
Quá trình hình thành và phát triển Công ty	37
2.1.2. Hình thức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	41
Tổ chức bộ máy kế toán	41
2.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương.....	43
2.2.1. Đặc điểm và phân loại chi phí sản xuất tại công ty	43
2.2.2. Thực trạng công tác lập dự toán chi phí sản xuất tại công ty	46
2.2.3. Thực trạng xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.....	51
2.2.4. Xác định trung tâm chi phí tại công ty	55
2.2.5. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty	55
2.2.6. Thực trạng công tác phân tích và kiểm soát CP sản xuất tại công ty	56
2.2.7. Phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho ra quyết định ngắn hạn tại công ty	57
2.3. Đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty	58
2.3.1. Ưu điểm	58
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.....	60
Tiểu kết chương 2	63
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH HẢI DƯƠNG	64

3.1. Định hướng phát triển của công ty trong giai đoạn 2026-2030	64
3.2. Sự cần thiết và yêu cầu phải hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty	65
3.2.1. Sự cần thiết hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất	65
3.2.2. Yêu cầu phải hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất	66
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty	67
3.3.1. Hoàn thiện phân loại chi phí phục vụ cho quản trị doanh nghiệp	67
3.3.2. Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất	72
3.3.3. Hoàn thiện phân tích và xử lý thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ cho ra quyết định và lập báo cáo bộ phận	77
3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương	80
Tiểu kết chương 3	82
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung đầy đủ
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHYT	Bảo hiểm y tế
BH và CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
CP	Chi phí
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KTTC	Kế toán tài chính
KTQT	Kế toán quản trị
GTGT	Giá trị gia tăng
NCTT	Nhân công trực tiếp
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
TSCĐ	Tài sản cố định
SXC	Sản xuất chung
UBND	Ủy ban nhân dân
XD & TM	Xây dựng và thương mại

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí	26
Bảng 2.1: Báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính 2022, 2023, 2024.....	40
Bảng 2.2: Kế hoạch cung cấp vật liệu chính	49
Bảng 2.3: Kế hoạch huy động nhân công công trình	49
Bảng 2.4: Kế hoạch huy động máy thi công công trình.....	50
Bảng 2.5: Bảng tính giá thành theo các khoản mục chi phí.....	54
Bảng 3.1: Căn cứ mức hoạt động	68
Bảng 3.2: Bảng phân loại chi phí theo các ứng xử của chi phí.....	69
Bảng 3.3: Kết quả kiểm soát chi phí nguyên vật liệu	73
Bảng 3.4: Kết quả kiểm soát chi phí nhân công.....	75
Bảng 3.5: Kết quả kiểm soát chi phí máy	76
Bảng 3.6: Bảng phân tích chi phí sản xuất.....	77
Bảng 3.7: Báo cáo thu nhập	78
Bảng 3.8: Mẫu báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của CP	79

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Quy trình lập dự toán tại Công ty	47
Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	52
Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	53
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công	53

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn lựa đề tài

Trong những năm qua, Việt Nam đã tạo được một môi trường kinh tế thị trường có tính cạnh tranh và năng động. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được khuyến khích phát triển, tạo tính hiệu quả trong việc huy động các nguồn lực xã hội phục vụ cho tăng trưởng kinh tế. Môi trường đầu tư trở nên thông thoáng hơn, thu hút ngày càng nhiều các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu và phát triển thêm một số ngành nghề tạo ra nguồn thu ngoại tệ ngày càng lớn. Việc trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu, rộng hơn vào kinh tế thế giới, là cơ hội tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Điều này cũng tạo cơ hội cũng như thách thức phải đối mặt với một môi trường cạnh tranh khốc liệt nhất, vì vậy các doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị tốt về mọi mặt. Trước tình hình như vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp cần có trách nhiệm để điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp sao cho hiệu quả nhất.

Kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng là một trong những công cụ quan trọng đối với các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc ra quyết định, quản lý, kiểm soát, đánh giá hoạt động.

Kế toán quản trị với chức năng cung cấp thông tin quá khứ, hiện tại và cả tương lai cho các nhà quản lý sẽ là công cụ hỗ trợ tốt nhất cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra các quyết định điều hành doanh nghiệp. Để phục vụ nhu cầu thông tin về chi phí cho nhà quản trị cũng như cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài thì kế toán quản trị chi phí – một bộ phận của kế toán quản trị là công cụ rất hữu ích phục vụ nhu cầu đó. Kế toán quản trị chi phí có vai trò to lớn trong các khâu của quá trình quản lý từ lập kế hoạch đến thực hiện, kiểm tra, kiểm soát và ra quyết định cho nhà quản trị.

Đặc biệt trong doanh nghiệp xây lắp kế toán quản trị chi phí sản xuất đóng

một vai trò vô cùng quan trọng. Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp xây lắp phụ thuộc vào giá bỏ thầu các công trình, hạng mục công trình. Do vậy thông tin về chi phí có vai trò quan trọng giúp nhà quản trị kiểm soát chi phí, có biện pháp hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình, hạng mục công trình nâng cao khả năng thắng thầu.

Qua khảo sát thực tế tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương việc triển khai và ứng dụng kế toán quản trị chi phí sản xuất vào quản lý doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mực. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kế toán quản trị nói chung và kế toán quản trị chi phí sản xuất nói riêng trên cả phương diện lý luận và thực tiễn tôi đã chọn đề tài: *“Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương”* để nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực, cung cấp thông tin có chất lượng cao, chính xác, kịp thời, dễ hiểu, dễ sử dụng cho các nhà quản trị tại công ty.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong những năm gần đây kế toán quản trị chi phí được đề cập ở nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau về khả năng vận dụng kế toán quản trị chi phí trong từng lĩnh vực. Dưới đây là một số công trình đã nghiên cứu kế toán quản trị chi phí như sau:

“Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Lam Sơn” của tác giả Đinh Tuyết Diệu năm 2021 tại Trường Đại Học Đà Nẵng. Luận văn đã đánh giá được thực trạng chi phí sản xuất tại doanh nghiệp và đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại doanh nghiệp. Tuy nhiên luận văn chủ yếu đi vào đặc trưng của doanh nghiệp thủy sản nên đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí xuất phát từ đặc thù kinh doanh.

“Kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hội An” của tác giả Hoàng Nguyễn Kim Linh năm 2021 tại Trường Đại học Đà Nẵng. Luận văn đã nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí sản phẩm xây lắp nói chung và tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Hội An nói riêng từ đó đưa ra phương hướng hoàn thiện kế toán quản trị chi phí phù hợp và hiệu quả với doanh nghiệp.

“Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần cơ điện và xây lắp Hùng Vương” của tác giả Hà Thụy Phúc Trâm năm 2020 tại Trường Đại học Đà Nẵng. Luận văn đã hệ thống hóa và phát triển các lý luận chung về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp phục vụ hiệu quả cho quản trị nội bộ. Nên thông tin kế toán quản trị chi phí cung cấp vẫn chưa toàn diện.

“Kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần vận tải đường biển Đà Nẵng” của tác giả Trần Thị Phương Linh năm 2020 tại trường Đại Học Đà Nẵng. Luận văn đã trình bày nghiên cứu về mặt lý luận kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp vận tải đường biển và luận án cũng đã xây dựng mô hình kế toán quản trị để cung cấp thông tin phục vụ kiểm soát chi phí Công ty cổ phần vận tải Đà Nẵng. Nhưng luận văn cũng mới chỉ đi sâu nghiên cứu tình hình kế toán quản trị chi phí nói chung và kế toán quản trị chi phí nói riêng trong doanh nghiệp vận tải đường biển.

“Hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần xây dựng giao thông 1 Thái Nguyên” của tác giả Lê Văn Hùng năm 2020 tại trường Đại Học Kinh tế quốc dân. Đây là công trình nghiên cứu trình bày rõ bản chất, mục đích, vai trò, nội dung của kế toán quản trị chi phí. Luận văn cũng đã đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần xây dựng giao thông 1 Thái Nguyên. Tuy nhiên, luận văn cũng chưa chỉ ra hết một số đặc thù kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.

Nhìn chung, các luận văn trên đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản của hệ thống kế toán quản trị chi phí. Đây là những nội dung mà luận văn kế thừa và tham khảo trong quá trình thực hiện.

Tóm lại, thông qua các công trình nghiên cứu liên quan tới kế toán quản trị chi phí, tôi nhận thấy rằng các công trình nghiên cứu còn chưa đầy đủ, chưa toàn diện về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp. Do đó việc nghiên cứu hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương là cần thiết.

3. Mục tiêu của đề án:

3.1. Mục tiêu chung

Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp, đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương trong những năm tới.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

- Thông qua nghiên cứu thực tiễn, phân tích làm rõ thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty.

- Trên cơ sở xây dựng những lý luận đã nghiên cứu và thực trạng để đưa ra những giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp nhằm kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, tăng cường năng lực cạnh tranh đem lại lợi nhuận cho Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương.

4. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của đề tài:

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt không gian: Nghiên cứu tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương.

- Về mặt thời gian: Năm 2024 - 2025

- Về nội dung: Kế toán quản trị chi phí sản xuất.

5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án

Để nghiên cứu hoàn thành đề tài này, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp thu thập thông tin

Để thu thập được thông tin tác giả sử dụng phương pháp quan sát xem xét, phỏng vấn đối với các cá nhân có liên quan đến công tác kế toán quản trị chi phí sản

xuất. Ngoài ra còn có thể thu thập thông tin từ nguồn dữ liệu bên ngoài doanh nghiệp như các trang web.

Nghiên cứu các văn bản quy định, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành dành cho doanh nghiệp xây lắp, tham khảo các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài. Sau đó tìm ra vấn đề mới mà đề tài cần lựa chọn thông tin hữu ích phục vụ cho đề tài.

Quan sát thực tế tình hình hoạt động tại công ty bằng cách tác giả đến trực tiếp tại công ty, quan sát môi trường làm việc, cách giải quyết các mối quan hệ trong công ty, xem cách thức thao tác làm việc của các kế toán trong công ty để biết được mô hình tổ chức kế toán của công ty.

Thu thập thông tin qua phỏng vấn từ bộ phận kế toán và các bộ phận khác của công ty.

Qua sách báo tìm hiểu thêm các công ty có cùng đặc điểm trong ngành xây lắp để phân tích dữ liệu, tổng hợp và vận dụng cụ thể vào điều kiện thực tế của Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty.

Phương pháp xử lý thông tin

Khi đã có nguồn dữ liệu sau khi thu thập được thông tin tác giả tiến hành sắp xếp, tổng hợp kết quả khảo sát phân tích, xử lý dữ liệu sau đó lựa chọn những thông tin phù hợp để phục vụ cho công việc nghiên cứu. Phân tích đánh giá vấn đề nghiên cứu từ đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp với thực tiễn Công ty đang nghiên cứu.

Sau khi thu thập được thông tin bằng các phương pháp phỏng vấn, khảo sát, sưu tầm tài liệu... Các thông tin sẽ được phân loại và sắp xếp có hệ thống nó là cơ sở cho việc tổng hợp, nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

- Ý nghĩa khoa học: Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

- Ý nghĩa thực tiễn: Đề tài nghiên cứu phân tích thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương; hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương như các cách phân loại chi phí sản xuất để phục vụ cung cấp thông tin cho quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí sản xuất và phân tích xử lý thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ cho ra quyết định và xây dựng lập báo cáo bộ phận.

7. Cấu trúc đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục liên quan đề án được trình bày trong 03 chương chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Bản chất, vai trò chức năng của kế toán quản trị chi phí sản xuất

1.1.1. Bản chất của kế toán quản trị chi phí sản xuất

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì yếu tố quan trọng là sử dụng các nguồn lực hiệu quả và kiểm soát tốt chi phí. Chính vì vậy, thông tin chi phí đối với hoạt động quản trị có vai trò lớn phục vụ cho nhà quản trị thực hiện các chức năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và ra quyết định.

Kế toán quản trị cung cấp thông tin chủ yếu cho các nhà quản trị để đưa ra các quyết định kinh doanh, quyết định đầu tư, quyết định sử dụng các nguồn lực, các quyết định quản trị khác trong doanh nghiệp. Kế toán quản trị được nghiên cứu từ nhiều góc độ và quan điểm khác nhau:

Theo Luật Kế toán Việt Nam (2015) định nghĩa: “Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán” [11, điều 4]. Theo quan điểm này kế toán quản trị được khái quát các bước công việc cụ thể đồng thời là công cụ cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhằm đưa ra các quyết định điều hành nội bộ các hoạt động kinh doanh.

Chi phí là một trong những yếu tố trung tâm của công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khái niệm chi phí được định nghĩa tương đối rõ ràng trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 (VAS 01)

“ Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc làm phát sinh các khoản nợ dẫn đến giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu” Định nghĩa khác “ Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác” .Một doanh nghiệp hoạt động phải chi nhiều khoản chi

phí khác nhau trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và chi phí có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó vấn đề đặt ra là làm sao có thể kiểm soát được tất cả các khoản chi phí. Kế toán quản trị chi phí là công cụ hữu hiệu đáp ứng nhu cầu thông tin chi phí cho các nhà quản trị để đưa ra quyết định kinh doanh, cơ sở cho kiểm soát, sử dụng chi phí của đơn vị một cách có hiệu quả. Cũng có rất nhiều quan điểm đưa ra về kế toán quản trị chi phí :

Dưới góc độ kế toán quản trị, bộ phận kế toán quản trị chi phí có chức năng đo lường, phân tích về tình hình chi phí và khả năng sinh lời của các sản phẩm, dịch vụ, các hoạt động và các bộ phận của tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu năng của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xét trên góc độ kế toán tài chính thì bộ phận kế toán quản trị chi phí có chức năng tính toán, đo lường chi phí phát sinh trong doanh nghiệp theo đúng các nguyên tắc kế toán để cung cấp thông tin về chi phí sản xuất sản phẩm, giá vốn hàng bán, và các chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả kinh doanh, liên quan đến giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán.

Vậy kế toán quản trị chi phí vừa có trong kế toán tài chính vừa có trong kế toán quản trị. Về bản chất kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của kế toán quản trị. Kế toán quản trị chi phí cung cấp những thông tin về chi phí trong phạm vi yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp. Mục đích của kế toán quản trị chi phí là cung cấp thông tin cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp. Kế toán quản trị chi phí phục vụ chủ yếu cho việc quản trị chi phí, ra quyết định quản trị. Kế toán quản trị chi phí không chỉ thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế tài chính thực sự phát sinh và hoàn thành mà còn cung cấp các thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định tương lai trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Có thể nói : “Kế toán quản trị chi phí là một nội dung chủ yếu của kế toán quản trị cung cấp thông tin hữu ích về chi phí cho nhà quản trị doanh nghiệp, để có thể nhận biết, đánh giá và quản lý tốt chi phí, từ đó có những quyết định, biện pháp đúng đắn tiết kiệm chi phí tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.”

Theo quan điểm của tác giả: Bản chất kế toán quản trị chi phí sản xuất là một bộ phận của kế toán quản trị chi phí nhằm cung cấp thông tin chi tiết về chi phí sản xuất kịp thời, phù hợp, cần thiết cho các hoạt động quản trị doanh nghiệp nhằm giúp nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng quản trị. Từ đó, các nhà quản trị đưa ra các quyết định quan trọng của họ nhằm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò, chức năng của kế toán quản trị chi phí sản xuất

Vai trò của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong việc thực hiện chức năng quản lý được thể hiện trong việc lập kế hoạch, kiểm soát quá trình kinh doanh, đánh giá các hoạt động, đưa ra các quyết định quản lý từ đó dự đoán những ảnh hưởng đó tới mục tiêu kinh doanh (***Phụ lục 02***)

Để thực hiện vai trò của mình, kế toán quản trị chi phí sản xuất tiến hành lập dự toán chi phí để trợ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện chức năng lập kế hoạch. Ngoài ra trong quá trình thực hiện các mục tiêu mà kế hoạch đã đề ra, kế toán quản trị chi phí sản xuất đã cung cấp thông tin cho việc quản lý đến từng công việc cụ thể. Kế toán quản trị chi phí sản xuất còn được coi là công cụ để đánh giá quá trình thực hiện mục tiêu kế hoạch – thông qua việc phân tích các chi phí, từ đó có những quyết định hợp lý để hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả. Có thể nói kế toán quản trị chi phí sản xuất đóng vai trò kiểm soát toàn bộ các khâu của hoạt động kinh doanh một cách cụ thể, chi tiết và thường xuyên. Ngoài ra trong một số tình huống đặc biệt, các thông tin về chi phí đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xác định giá bán sản phẩm, nhất là trong các trường hợp sản xuất theo yêu cầu của khách hàng mà chưa có giá trên thị trường.

Theo xu hướng hiện nay, hoạt động của các doanh nghiệp ngày một đa dạng hơn, mang tính cạnh tranh gay gắt, sức ép của việc giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm ngày một đòi hỏi nhiều hơn nên nhu cầu thông tin nhất là những thông tin về kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị ngày một nhiều hơn, nhanh hơn chính xác hơn. Chính vì thế vai trò của kế toán quản trị nói chung và của kế toán quản trị chi phí sản xuất nói riêng lại càng được khẳng định và kế toán quản trị chi phí thực sự cần thiết đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

1.2. Đặc điểm hoạt động xây lắp ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Các ngành nghề sản xuất khác nhau sẽ tạo ra những sản phẩm mang đặc điểm khác nhau. So với các ngành sản xuất khác, các doanh nghiệp xây lắp có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành xây dựng cơ bản, tạo nên đặc trưng của doanh nghiệp xây lắp:

Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính riêng lẻ, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài. Mỗi sản phẩm xây lắp đều có yêu cầu về tổ chức quản lý, tổ chức thi công và các biện pháp thi công phù hợp với đặc điểm của từng công trình, hạng mục công trình. Do đó, chi phí bỏ ra để sản xuất thi công công trình, hạng mục công trình sẽ hoàn toàn khác nhau, việc hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định kết quả thi công xây lắp cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt.

Sản phẩm xây lắp được thực hiện theo đơn đặt hàng của khách hàng thông qua các hợp đồng xây dựng được ký kết hay các dự án được trúng thầu nên ít phát sinh chi phí trong quá trình lưu thông. Mỗi công trình, hạng mục công trình thường yêu cầu phải có thiết kế, kết cấu, hình thức, địa điểm xây dựng và dự toán riêng. Đặc điểm này cho thấy mỗi sản phẩm xây lắp đòi hỏi tổ chức thi công và các chi phí phát sinh có liên quan cũng khác nhau. Nên việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công) và nó ảnh hưởng đến việc xác định đối tượng chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp lựa chọn cho từng công trình, hạng mục công trình và đối tượng tính giá thành cũng là từng công trình, hạng mục công trình. Do đó việc xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp thường lựa chọn là xác định chi phí sản xuất theo phương pháp truyền thống, hạch toán chi phí theo đơn đặt hàng.

Sản phẩm xây lắp có giá trị lớn, khối lượng công trình lớn, thời gian thi công tương đối dài có những công trình kéo dài nhiều năm đối với những công trình lớn. Trong khi công trình chưa hoàn thành chưa tạo ra sản phẩm xây lắp nhưng đã sử

dụng nhiều nguồn lực như nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy... Vì vậy kỳ tính giá của sản phẩm xây lắp thường được xác định theo thời điểm khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ.

Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình luôn cố định tại nơi thi công công trình còn các điều kiện thi công như: máy móc, thiết bị thi công, người lao động, nguyên vật liệu... phải di chuyển theo địa điểm đặt công trình, hạng mục công trình. Đặc điểm này ảnh hưởng trực tiếp đến kế toán quản trị chi phí sản xuất đối với doanh nghiệp xây lắp là phải quản lý vật tư nguyên vật liệu, con người thông qua trung tâm chi phí và sử dụng công cụ kế toán quản trị chi phí để quản lý con người khi đơn vị xây lắp phải quyết định phương án thuê nhân công trực tiếp tại địa bàn có công trình thi công để giảm bớt chi phí phải di dời công nhân từ công ty đến công trình.

Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp tương đối dài nên mọi sai lầm trong quá trình thi công khó sửa chữa phải phá đi làm lại. Sai lầm trong xây dựng cơ bản vừa gây lãng phí, vừa để lại hậu quả có khi rất nghiêm trọng, lâu dài và khó khắc phục. Đặc điểm này đòi hỏi những nhà quản trị doanh nghiệp phải tính toán kỹ kiểm soát tốt các chi phí trong quá trình thi công việc tổ chức, quản lý, giám sát chặt chẽ sao cho bảo đảm chất lượng công trình đúng như thiết kế, dự toán tránh thất thoát gây lãng phí vật tư cũng như nhân công con người lao động.

Sản xuất xây dựng cơ bản thường diễn ra ngoài trời chịu sự tác động trực tiếp của thiên nhiên, điều kiện môi trường. Đặc điểm này trong quá trình thi công các nhà quản trị doanh nghiệp cần tổ chức quản lý lao động, vật tư chặt chẽ đảm bảo thi công, doanh nghiệp cần có kế hoạch kiểm soát chi phí nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp và đồng thời các nhà quản trị cũng phải tính đến các khả năng theo dõi và xử lý khi có các khoản thiệt hại công trình.

Mặt khác sản phẩm xây dựng thường được xây dựng trên cơ sở các doanh nghiệp được chỉ định thầu hoặc đấu thầu thắng. Chính vì vậy để đấu thầu thắng các nhà quản quản trị doanh nghiệp cần phân tích thông tin kế toán quản trị chi phí mang lại xây dựng cho mình một giá đầu thầu hợp lý giúp doanh nghiệp có thể trúng thầu nhưng vẫn phải đảm bảo doanh nghiệp đạt được mục tiêu lợi nhuận mong muốn.

Đặc trưng của doanh nghiệp xây lắp có ảnh hưởng và tác động chi phối đến kế toán quản trị chi phí sản xuất. Do đó, khi nghiên cứu về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp thì các đặc này luôn được đề cập và nghiên cứu kỹ lưỡng.

1.3. Nội dung của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1. Đặc điểm chi phí và phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là quá trình chuyển biến của vật liệu xây dựng thành sản phẩm xây lắp dưới tác động của máy móc thiết bị cùng sức lao động của công nhân.

Chi phí sản xuất xây lắp bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh trong các khâu khác nhau trong hoạt động xây lắp liên quan đến khối lượng xây lắp trong một thời kỳ nhất định.

Để công tác quản lý, hạch toán kiểm tra giám sát chi phí cũng như phục vụ cho nhà quản trị ra quyết định, chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp cần phân loại theo những tiêu thức phù hợp.

Ngoài các khoản mục chi phí sản xuất thông thường thì chi phí sản xuất của doanh nghiệp xây lắp còn phát sinh thêm một số khoản mục chi phí như: Chi phí vận chuyển máy thi công đến công trường, chi phí huy động công nhân, chi phí lán trại cho công nhân, chi phí kho nhà xưởng bảo quản vật tư trong quá trình thi công... Vì vậy công tác hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp rất phức tạp, trong đó những khoản chi phí chung cần phân bổ đến từng công trình cụ

thể, cần có cách thức phân bổ phù hợp để phục vụ công tác quản lý chi phí, giá thành theo công trình.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp rất đa dạng về chủng loại, kích cỡ, dễ bị hư hỏng tùy thuộc và thời tiết, cần chú ý đến biện pháp bảo quản và kiểm soát chi phí. Chi phí nhân công trực tiếp trong tổng chi phí sản xuất tùy theo từng công trình sử dụng nhiều lao động tay nghề cao hay thấp. Chi phí sử dụng máy thi công chiếm tỷ trọng cao hay thấp tùy thuộc vào từng công trình thi công bằng máy hay thủ công. Trong công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất cần dựa vào những đặc điểm này của chi phí để bước đầu có thể đánh giá mối tương quan của từng khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm của từng công trình phục vụ kiểm soát chi phí.

Việc chi phí thực phát sinh, đối chiếu với dự toán là một công việc thường xuyên và cần thiết của kế toán để kiểm tra chi phí phát sinh đó có phù hợp với dự toán hay không cũng như để kiểm tra tính hiệu quả trong việc quản trị chi phí.

Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Đối với doanh nghiệp xây lắp thì chi phí sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp, vì vậy vấn đề quan trọng được đặt ra là phải kiểm soát, quản lý và giám sát chặt chẽ các chi phí. Chi phí được sử dụng theo nhiều hướng, cho nhiều mục đích khác nhau, nên các cách phân loại chi phí cũng rất khác nhau phù hợp cho từng mục đích riêng. Doanh nghiệp xây lắp có thể phân loại theo các cách sau đây:

a, Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế

Theo cách phân loại này, xét theo nội dung kinh tế hay nói một cách khác các yếu tố chi phí có cùng nội dung kinh tế được sắp xếp chung vào một yếu tố không phân biệt chi phí sản xuất được phát sinh ở đâu hay dùng vào mục đích gì.

Tác dụng của cách phân loại chi phí theo nội dung kinh tế cho biết nội dung, kết cấu, tỷ trọng từng loại chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình thi công công trình, hạng mục công trình với tổng chi phí sản xuất doanh nghiệp. Cách phân loại này là cơ sở để doanh nghiệp xây lắp xây dựng dự toán chi phí sản xuất để các nhà đầu tư xác định nhu cầu về vốn của mình, xây dựng các kế hoạch về lao động, vật tư, tài sản... trong doanh nghiệp.

Theo cách phân loại này chi phí được chia thành năm nhóm chính sau:

- **Chi phí nguyên vật liệu:** Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính (sắt, thép, xi măng, cát, đá...), vật liệu phụ, nhiên liệu (xăng, dầu...), công cụ dụng cụ xuất dùng trong quá trình thi công công trình, hạng mục công trình trong kỳ.

- **Chi phí nhân công:** Bao gồm các khoản tiền lương, trợ cấp lương, các khoản có tính chất lương và các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả cho công nhân viên ở các tổ, đội xây dựng.

- **Chi phí khấu hao tài sản cố định :** Gồm khấu hao máy móc thi công, phương tiện vận tải, nhà xưởng, văn phòng...phải trích trong kỳ của tất cả tài sản cố định sử dụng trong thi công xây lắp công trình, hạng mục công trình.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động xây lắp

Chi phí khác bằng tiền: Là toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa xếp vào các nhóm trên dùng vào hoạt động xây lắp, các khoản chi phí liên quan gián tiếp đến bộ phận thi công xây lắp như: các chi phí phát sinh ở bộ phận văn phòng (chi phí điện nước, điện thoại, fax, phí chuyển tiền, bưu phẩm, dụng cụ văn phòng, chi phí xe con, đi lại công tác văn phòng, chi phí tiếp khách...)

b, Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí

Theo cách phân loại này người ta căn cứ vào mục đích, công dụng của chi phí để xếp những chi phí có cùng mục đích, công dụng kinh tế vào cùng một khoản mục chi phí.

Tác dụng của cách phân loại này giúp doanh nghiệp theo dõi từng khoản mục chi phí phát sinh để các nhà quản trị có thể đối chiếu so sánh giữa chi phí thực hiện và dự toán. Qua đó, nhà quản trị có thể nhận biết được từng khoản mục chi phí phát sinh tăng hay giảm ở đâu so với dự toán giúp doanh nghiệp tìm ra những biện pháp phù hợp điều chỉnh nhằm tiết kiệm chi phí và hạ giá thành xây lắp.

Trong các doanh nghiệp xây lắp chi phí sản xuất được chia thành bốn khoản mục chi phí sau:

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Gồm nguyên vật liệu, vật liệu, kết cấu,

đã tiêu hao cho các công trình xây lắp như: đất, đá, cát, sắt thép, xi măng... Các vật liệu này đa số mua ngoài, riêng bê tông xi măng có thể tự sản xuất. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ rất lớn trong toàn bộ chi phí xây lắp.

- **Chi phí nhân công trực tiếp:** Chi phí này bao gồm tiền lương, tiền phụ cấp và các khoản trích theo lương của bộ phận công nhân trực tiếp tham gia thi công xây lắp. Tổng chi phí này nhiều hay ít tùy theo công trình sử dụng nhiều lao động kỹ thuật, lao động phổ thông hay sử dụng máy.

- **Chi phí máy thi công:** Gồm các chi phí phục vụ cho máy thi công công trình như: nhiên liệu, chi phí bảo dưỡng sửa chữa máy, chi phí huy động vận chuyển máy đến công trình, tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân vận hành máy. Tùy thuộc vào từng công trình thi công bằng máy hay bằng thủ công mà chi phí máy thi công sẽ chiếm tỷ trọng cao hay thấp trong tổng chi phí xây lắp công trình.

- **Chi phí sản xuất chung:** Bao gồm những chi phí phục vụ cho quá trình thi công tại đội, công trình xây dựng như lương nhân viên quản lý đội xây lắp, các khoản trích theo lương của công nhân quản lý đội, khấu hao TSCĐ của đội xây lắp, chi phí phục vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của xây lắp. Chi phí sản xuất chung được phân bổ đều cho các công trình, hạng mục công trình.

c, Phân loại chi phí theo hình thái chi phí (cách ứng xử của chi phí)

Theo mức độ hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp thi công các công trình, hạng mục công trình và khối lượng công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư. Với cách phân loại này chi phí sản xuất được chia làm ba loại: Chi phí biến đổi, chi phí cố định và chi phí hỗn hợp. Trong quá trình thi công có thể phát sinh tất cả các loại chi phí trên tùy thuộc và khối lượng thi công thực tế.

Tác dụng của cách phân loại này khi chi phí sản xuất được chia thành yếu tố chi phí biến đổi và chi phí cố định giúp kế toán quản trị chi phí sử dụng các ứng xử của chi phí để phục vụ cho lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định. Việc phân loại chi phí này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận, xác định điểm hòa vốn và lập báo cáo kết quả kinh doanh

theo lãi góp. Đây là một trong những báo cáo bộ phận kế toán quản trị quan trọng công cụ đắc lực cho việc ra quyết định.

- **Chi phí biến đổi** là loại chi phí mà tổng của nó sẽ thay đổi khi thay đổi mức độ hoạt động. Các hoạt động có thể được thể hiện nhiều cách khác nhau như: năng suất lao động, số lượng giờ làm... Trong doanh nghiệp xây lắp chi phí biến đổi tồn tại khá phổ biến như: Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí điện, nước phục vụ công trường xây dựng....

Chi phí biến đổi có các đặc điểm sau:

- + Chi phí biến đổi đơn vị thường không thay đổi. Dựa vào đặc điểm này các nhà quản trị xây dựng định mức biến phí góp phần kiểm soát các khoản chi phí.
- + Xét về tổng chi phí biến đổi thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động
- + Trong trường hợp doanh nghiệp không hoạt động thì chi phí biến đổi không phát sinh.

- **Chi phí cố định** là loại chi phí không thay đổi khi mức hoạt động thay đổi. Khi mức độ hoạt động tăng hay giảm, tổng chi phí cố định không thay đổi trừ khi bị ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài như sự thay đổi về giá cả. Trong doanh nghiệp xây lắp các loại chi phí cố định thường gặp là: Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền lương ban điều hành công trình như chỉ huy trưởng công trình, đội trưởng đội xây lắp, bộ phận kỹ thuật, ...

Chi phí cố định thường có đặc điểm sau:

- + Trong giới hạn của quy mô hoạt động, xét về tổng chi phí thì chi phí cố định thường không thay đổi. Nếu xét chi phí cố định trên một đơn vị mức độ hoạt động thì thay đổi tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động.
- + Doanh nghiệp có hoạt động hay không thì chi phí cố định vẫn tồn tại. Do đó, nhà quản trị muốn cho chi phí biến đổi đơn vị sản phẩm thấp cần khai thác tối đa công suất của các tài sản đã tạo ra chi phí cố định đó.

- **Chi phí hỗn hợp** : là loại chi phí mà bản thân nó bao gồm cả các yếu tố của cố định và biến đổi. Xác định được yếu tố cố định và biến đổi trong chi phí hỗn

hợp sẽ giúp ích cho nhà quản lý trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí.

Tỷ lệ cố định của chi phí hỗn hợp thể hiện các dịch vụ sẵn có của công ty, phần chi phí biến đổi thể hiện chi phí phát sinh do đó nó biến đổi theo lượng đầu ra thực tế.

Để phân tích chi phí hỗn hợp, cần sử dụng phương pháp ước tính. Ước tính chi phí là quá trình xem xét một khoản chi phí cụ thể sẽ như thế nào dựa trên mối liên hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động của doanh nghiệp. Có nhiều phương pháp ước tính chi phí bao gồm:

Phương pháp cực đại – cực tiểu. Phương pháp này yêu cầu các chi phí phát sinh phải được theo dõi ở mức độ cao nhất và thấp nhất của hoạt động trong phạm vi phù hợp, từ đó các nhà quản trị dự đoán chi phí hỗn hợp căn cứ vào quy mô của hoạt động. Phương pháp này có ưu điểm là công việc tính toán đơn giản, rất dễ áp dụng. Nhưng nhược điểm là độ chính xác chưa cao khi dự đoán chi phí hỗn hợp ngoài phạm vi hoạt động của quy mô xác định.

Phương pháp đồ thị phân tán. Phương pháp này thực hiện phân tích thông qua việc sử dụng đồ thị biểu diễn tất cả các giao điểm của chi phí với mức độ hoạt động khác nhau. Ưu điểm là phương pháp đồ thị phân tán chính xác hơn phương pháp cực đại – cực tiểu nhưng nhược điểm là do quan sát đơn giản nên không thể tránh được sai sót do chủ quan của người phân tích.

Phương pháp bình phương bé nhất. Phương pháp này có độ chính xác cao hơn phương pháp đồ thị phân tán, thay vì kẻ một đường hồi quy cho các số liệu bằng sự quan sát đơn giản, phương pháp này dựa vào phân tích thống kê để kẻ đường biểu diễn các số liệu. Nhưng nhược điểm của phương pháp này là tính toán phức tạp hơn nên chi phí bỏ ra nhiều hơn.

Phương pháp đa hồi quy. Tất cả các phương pháp trên đều giả định mức độ phát sinh chi phí chỉ dựa trên một yếu tố duy nhất. Nhưng thực tế chi phí có thể chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố vì vậy người ta sử dụng phương pháp đa hồi quy. Ưu điểm của phương pháp này sẽ cho kết quả ước tính chính xác hơn các phương pháp trước tuy nhiên khối lượng công việc cũng phức tạp, rắc rối hơn nhiều.

d, Phân loại chi phí theo đối tượng chịu chi phí

Tác dụng của cách phân loại này chi phí được phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí công trình, hạng mục công trình. Với cách phân loại này nó phục vụ cho những mục đích rất khác nhau như xác định giá thành xây lắp, phân tích thông tin chi phí, lợi nhuận và kiểm soát chi phí.

Theo cách phân loại này ở doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất được chia thành hai loại:

Chi phí trực tiếp: Là những chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí như: công trình, hạng mục công trình... và có thể phân bổ trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

Chi phí gián tiếp: Là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí như đến nhiều công trình, hạng mục công trình... nên không thể phân bổ trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí mà phải theo từng nơi phát sinh chi phí sau đó dùng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ cho từng đối tượng theo các tiêu thức phân bổ thích hợp.

Một chi phí cụ thể có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp phụ thuộc vào đối tượng chịu chi phí.

1.3.2. Lập dự toán chi phí sản xuất trong đơn vị xây lắp

Khái quát về dự toán chi phí sản xuất trong đơn vị xây lắp

Dự toán là một kế hoạch sử dụng nguồn lực trong một thời kỳ cụ thể bằng thước đo định lượng. Dự toán được thực hiện để so sánh với khoản chi tiêu thực tế để đảm bảo là đang tuân thủ theo kế hoạch chi tiêu. Dự toán thường được sử dụng cho hai mục đích là lập kế hoạch và kiểm soát. Lập kế hoạch bao gồm phát triển các mục tiêu và lập các dự toán khác nhau cho các mục tiêu. Kiểm soát bao gồm các bước các nhà quản lý được thực hiện để tăng khả năng phối hợp hoạt động giữa các bộ phận trong tổ chức để đạt được các mục tiêu được thiết lập trong giai đoạn lập kế hoạch.

Dự toán chi phí là văn bản tính toán chi tiết về chi phí được lập trước khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhằm mô tả việc huy động và sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định theo các mục tiêu mà doanh

nghiệp đã đề ra. Như vậy dự toán chi phí là công cụ để hoạch định chi phí và kiểm soát chi phí.

Dự toán xây dựng công trình theo Điều 7 Thông tư 06/2024/ TT-BXD ngày 10/3/2024 thì dự toán xây dựng được xác định cho công trình, hạng mục công trình, công trình phụ trợ, công trình tạm phục vụ thi công. Trong đó chi phí xây dựng gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng.

Chi phí trực tiếp gồm chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công.

Chi phí chung gồm chi phí quản lý của doanh nghiệp, chi phí điều hành sản xuất tại công trường, chi phí phục vụ công nhân, chi phí phục vụ thi công tại công trình và một số chi phí phục vụ cho quản lý khác của doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế tính trước là khoản lợi nhuận của doanh nghiệp xây dựng dự tính trước trong dự toán xây dựng công trình.

Thuế giá trị gia tăng theo quy định của nhà nước.

* **Tổng dự toán công trình:** Là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công. Tổng dự toán công trình được xác định trên cơ sở năng lực sản xuất theo thiết kế, khối lượng công tác chủ yếu và suất đầu tư, giá chuẩn, đơn giá tổng hợp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng dự} & & & & \text{Giá trị dự} & & \\ \text{toán công} & & \text{Giá trị dự} & & \text{toán mua} & & \\ \text{trình} & = & \text{toán xây} & + & \text{sắm thiết bị} & + & \text{Dự toán các} & + & \text{Dự toán chi} \\ & & \text{lắp (Gxl)} & & \text{(Gtb)} & & \text{chi phí} & & \text{phí dự phòng} \\ & & & & & & \text{khác (Gk)} & & \text{(Gdp)} \end{array}$$

Dự toán xây lắp hạng mục công trình

Lập dự toán xây lắp là xác định toàn bộ chi phí để xây dựng một khối lượng công trình hoặc hạng mục công trình mà doanh nghiệp đã ký kết hợp đồng thi công. Chi phí để xây lắp công trình bao gồm:

- Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp

- Dự toán nhân công trực tiếp
- Dự toán chi phí máy thi công
- Dự toán chi phí sản xuất chung

Lập dự toán chi phí sản xuất xây dựng

Để lập được dự toán chi phí sản xuất xây dựng trong xây lắp cho các công trình, hạng mục công trình cần dựa vào :

Bản vẽ thiết kế thi công

Căn cứ định mức dự toán xây dựng công trình – Phần xây dựng công bố kèm theo văn bản số 1776/VP-BXD ngày 19/08/2021, phần lắp đặt số 1777/2021/VP-BXD ngày 16/08/2021 và định mức dự toán sửa đổi bổ sung số 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2022 của Bộ xây dựng.

Đơn giá xây dựng cơ bản của Tỉnh, Thành phố (như căn cứ quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND Thành phố Hải Dương về việc công bố một số đơn giá xây dựng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hải Dương)

Thông tư 06/2024/TT-BXD ngày 10/3/2024 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Thông tư hướng dẫn luật thuế GTGT, luật quản lý thuế... số 130/2024/TT-BTC ngày 12/8/2024.

Quyết định số 7414/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND Thành phố Hải Dương về việc công bố giá nhân công thị trường trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hải Dương.

Công bố giá vật liệu xây dựng Thành phố Hải Dương số 01/2024/CBGVL-LS ngày 01/3/2024.

Trước khi đi vào lập dự toán cần phải xây dựng định mức cho từng khoản mục chi phí.

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (NVLTT)

$$\text{Định mức chi phí NVLTT} = \frac{\text{Định mức về lượng NVL}}{\text{Định mức về giá NVL}} \times \text{Định mức về giá NVL}$$

Định mức chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)

$$\text{Định mức chi phí NCTT} = \frac{\text{Định mức về lượng}}{\text{Thời gian hao phí}} \times \frac{\text{Định mức về giá}}{\text{giờ công lao động}}$$

Định mức chi phí chung:

Xây dựng định mức cho các chi phí sản xuất bao gồm xây dựng định mức về lượng và định mức về giá.

Lập dự toán chi phí sản xuất

a, Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Yêu cầu sử dụng nguyên vật liệu của công trình xây lắp xuất phát từ thiết kế và kết cấu công trình, ngoài ra các giải pháp tổ chức kỹ thuật thi công cũng chi phối nhiều đến chủng loại và lượng tiêu hao của nguyên vật liệu.

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh tất cả chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần thiết để đáp ứng yêu cầu xây lắp đã được thể hiện trên dự toán khối lượng bản vẽ tổ chức thi công.

$$\text{Dự toán chi phí NVL TT} = \sum_{i=1}^n \left[\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công} \\ \text{tác xây lắp} \\ \text{thứ } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức phí} \\ \text{vật liệu của} \\ \text{công tác xây lắp} \\ \text{thứ } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chênh lệch} \\ \text{vật liệu} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right]$$

b, Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp được xây dựng từ dự toán khối lượng công tác xây lắp. Dự toán này cung cấp những thông tin quan trọng liên quan đến quy mô của lực lượng lao động cần thiết cho kỳ dự toán, Mục tiêu cơ bản của dự toán này là duy trì lực lượng vừa đủ để đáp ứng yêu cầu thi công công trình, tránh lãng phí hoặc bị động trong sử dụng lao động. Dự toán này còn là cơ sở để doanh nghiệp lập dự toán về đào tạo, tuyển dụng trong quá trình hoạt động.

$$\text{Dự toán chi phí NCTT} = \sum_{i=1}^n \left[\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công} \\ \text{tác xây lắp} \\ \text{thứ } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức phí} \\ \text{thời gian của} \\ \text{công tác xây} \\ \text{lắp thứ } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{theo đơn giá} \\ \text{giờ công trực} \\ \text{tiếp} \end{array} \right]$$

c, Dự toán chi phí máy thi công

Chi phí máy thi công cần dùng cho thi công phụ thuộc vào khối lượng công việc phải thi công bằng máy và định mức sản lượng của mỗi ca máy hay định mức thời gian làm bằng máy cho mỗi đơn vị khối lượng công việc. Trong xây dựng thường sử dụng định mức sản lượng cho mỗi máy thi công.

$$\text{Dự toán chi phí máy thi công} = \sum_{i=1}^n \left[\begin{array}{l} \text{Dự toán khối} \\ \text{lượng công} \\ \text{tác xây lắp} \\ \text{thứ } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức chi} \\ \text{phí máy thi công} \\ \text{của công tác xây} \\ \text{lắp thứ } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số điều} \\ \text{chỉnh chi phí} \\ \text{máy thi công} \end{array} \right]$$

d, Dự toán chi phí sản xuất chung

Dự toán chi phí sản xuất chung được lập căn cứ vào định mức chi phí chung theo quy định hiện hành của nhà nước đối với công trình có một hạng mục xây lắp còn với công trình có nhiều hạng mục xây lắp thì sau khi xác định chi phí sản xuất chung cho toàn bộ công trình sẽ được phân bổ cho từng hạng mục theo tỷ trọng chi phí trực tiếp của từng công trình.

$$\text{Dự toán chi phí sản xuất chung} = \sum_{i=1}^n \left[\begin{array}{l} \text{Định mức chi} \\ \text{phí chung (\%)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí trực} \\ \text{tiếp} \end{array} \right]$$

1.3.3. Xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Trong doanh nghiệp xây lắp việc xác định hạch toán chi phí sản xuất bao gồm hạch toán theo từng công trình, hạng mục công trình, theo đơn đặt hàng (Hợp đồng thi công xây lắp), từng bộ phận sản xuất xây lắp các đội xây lắp.... Kế toán sẽ mở sổ chi tiết hạch toán chi phí sản xuất theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí phát sinh cho đối tượng theo từng khoản mục.

Đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp xây lắp thường là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp có dự toán riêng đã hoàn thành.

a, Phương pháp trực tiếp: Được áp dụng với những chi phí trực tiếp là những chi phí liên quan đến một đối tượng xác định chi phí sản xuất. Khi đó chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến đối tượng công trình, hạng mục công trình nào thì

hoạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Phương pháp này chỉ áp dụng được khi chi phí có thể hạch toán trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí.

Ưu điểm của phương pháp này là cách hạch toán chi phí xác định đồng thời lại theo dõi được một cách trực tiếp các chi phí liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình cụ thể. Phương pháp này hiện đang được rất nhiều doanh nghiệp hoạt động xây lắp lựa chọn sử dụng phổ biến và phù hợp với đặc điểm xây lắp. Tuy nhiên nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều thời gian và công sức do có rất ít chi phí liên quan đến một đối tượng và rất khó để theo dõi riêng các chi phí này.

b, Phương pháp hạch toán theo đơn hàng (Hợp đồng thi công xây lắp)

Toàn bộ chi phí phát sinh đến đơn hàng công trình, hạng mục công trình nào theo hợp đồng thi công xây lắp thì được hạch toán riêng cho từng đơn hàng công trình, hạng mục công trình đó theo hợp đồng thi công. Cho đến khi kết thúc đơn đặt hàng hợp đồng thi công – công trình, hạng mục công trình hoàn thành thì tổng số chi phí phát sinh từ khi khởi công đến khi hoàn thành được hạch toán riêng theo hợp đồng thi công đó là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình.

Trường hợp một đơn đặt hàng gồm một số hạng mục công trình thì sau khi tính giá thành cho đơn hàng hoàn thành kế toán thực hiện tính giá thành cho từng hạng mục công trình bằng cách căn cứ giá thành thực tế của đơn hàng hoàn thành và giá thành dự toán của hạng mục công trình đó.

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành sản xuất thực tế của đơn đặt} \\ \text{Thực tế của} & & \text{hàng hoàn thành} \\ \text{từng hạng mục} & = \frac{\text{hàng hoàn thành}}{\text{Giá thành dự toán của các hạng mục công}} & \times \\ \text{công trình} & \text{trình thuộc đơn đặt hàng hoàn thành} & \text{hạng mục công trình} \end{array}$$

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp các công trình, giai đoạn công việc phức tạp theo đơn đặt hàng. Đối tượng tính giá thành và đối tượng hạch toán chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng không tính đến số lượng sản phẩm đơn đặt hàng.

c, Phương pháp xác định chi phí theo hoạt động (Activity - Based Costing – ABC)

Đặc thù sản phẩm xây dựng, quy trình xây dựng đòi hỏi phải có sự kết hợp của nhiều giai đoạn. Mà chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy phân bổ chi phí sản xuất chung không chính xác làm cho các nhà quản trị ra quyết định khó khăn hơn. Phương pháp xác định chi phí theo hoạt động giúp doanh nghiệp phân bổ chi phí một cách chính xác hơn đồng thời phương pháp ABC được sử dụng để đo lường hiệu quả hoạt động của quá trình kinh doanh.

Phương pháp ABC được thực hiện qua 4 bước: **(Phụ lục 03)**

Bước 1: Xác định chi phí trực tiếp: Trong doanh nghiệp xây lắp thường bao gồm CPNVLT, CPNCTT. Các khoản chi phí này thường dễ xác định và hạch toán thẳng vào đối tượng chịu chi phí để tính giá thành sản xuất.

Bước 2: Xác định các hoạt động: Các hoạt động tạo ra chi phí gián tiếp, mỗi một hoạt động cần chi phí riêng, sau đó chọn tiêu thức khoa học phân bổ chi phí vào các đối tượng tính giá thành.

Bước 3: Chọn tiêu thức phân bổ chi phí của các hoạt động

Bước 4: Tính toán mức phân bổ. Dựa trên từng nhóm hoạt động kế toán quản trị lựa chọn các tiêu thức phân bổ sao cho phù hợp.

1.3.4. Xây dựng trung tâm chi phí sản xuất

Sự xuất hiện của trung tâm chi phí sản xuất gắn liền với phân cấp về quản lý, mà ở đó người quản lý có quyền và chịu trách nhiệm đối với kết quả hoạt động thuộc phạm vi mình quản lý. Trung tâm chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp được tổ chức theo mô hình các đội thi công hay các ban quản lý dự án...Người đứng đầu trung tâm chi phí chính là người quản lý các bộ phận được phân quyền quyết định về cơ cấu chi phí và các yếu tố đầu vào.

Đối với các doanh nghiệp xây lắp, trung tâm chi phí sản xuất được hình thành tại xí nghiệp, tổ, đội xây lắp với trách nhiệm của đội trưởng đội xây lắp.

Mục tiêu của trung tâm chi phí sản xuất là kiểm soát chi phí thực tế phát sinh tại các đội thi công và báo cáo thông tin về chi phí. Đội trưởng đội thi công hay trưởng ban quản lý dự án là người trực tiếp kiểm soát và là người chịu trách

nhệm về các khoản chi phí sản xuất như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung ... tại công trường. Nhiệm vụ của trung tâm chi phí sản xuất là lập kế hoạch và tiến độ thi công chi tiết, thực hiện thi công theo dự toán các công trình đã nhận đảm bảo chất lượng và tiến độ đã cam kết với chủ đầu tư; chuẩn bị theo dõi và quản lý vật tư, nhân công và máy móc thiết bị nhằm sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.

Để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí sản xuất cần phải lập các báo cáo thông tin về chi phí sản xuất. Báo cáo thông tin về chi phí sản xuất là báo cáo chi phí sản xuất chênh lệch dựa vào định mức và chi phí thực tế phát sinh. Từ các báo cáo thực thi chi phí sản xuất của từng hạng mục công trình, đội xây lắp lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chi phí cho toàn công trình. Cách lập này sẽ giúp các nhà quản trị phân tích, đánh giá việc kiểm soát từng loại chi phí cả về số lượng, giá trị và chất lượng của từng hạng mục công trình.

1.3.5. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất

Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất là loại báo cáo kế toán phản ánh chi tiết, cụ thể tình hình chi phí của doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý của các cấp quản trị khác nhau trong doanh nghiệp. Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất là sản phẩm cuối cùng của quy trình thực hiện công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp, nhằm cung cấp thông tin đã, đang và sẽ diễn ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo yêu cầu quản lý cụ thể của nhà quản trị trong doanh nghiệp gắn liền với từng bộ phận theo chức năng nhất định. Nội dung và kết cấu của báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất phải thể hiện được mục đích và mong muốn của nhà quản trị trong việc theo dõi, phân tích, đánh giá quá trình xây lắp tại công trường. Do đó, báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất phải đáp ứng được những yêu cầu: tính thích hợp, tính kịp thời và tính hiệu quả.

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất bao gồm:

Báo cáo chi phí sản xuất

Báo cáo giá thành sản phẩm

Báo cáo thực hiện kế hoạch

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí

Bảng 1.1: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí

Tháng (Quý)....Năm....

TT	Chỉ tiêu	Bộ phận				Tổng cộng toàn công ty
		Công trình 1	Công trình 2	...		
1	Doanh thu					
2	Chi phí biến đổi					
3	Lãi gộp = (1)- (2)					
4	Chi phí cố định bộ phận					
5	Lợi nhuận bộ phận =(3)-(4)					
6	Chi phí cố định chung					
7	Lợi nhuận thuần					
8	Tỷ lệ lãi gộp					

(Nguồn tác giả tổng hợp)

Lãi gộp = Doanh thu – Chi phí biến đổi

$$\text{Tỷ lệ lãi gộp} = \frac{\text{Lãi gộp}}{\text{Doanh thu}}$$

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí được lập dựa trên cách phân loại chi phí theo từng bộ phận (hạng mục công trình). Chi phí cố định và chi phí biến đổi bộ phận tính cho từng bộ phận để xác định lợi nhuận. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí được lập nhằm mục đích quản trị, kiểm soát, đánh giá hiệu quả từng hoạt động cũng như tổng thể. Do vậy, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí giúp cho nhà quản trị có khả năng tự xem xét tình hình sản xuất kinh doanh từ nhiều hướng và toàn diện hơn.

1.3.6. Phân tích và tổ chức công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong hoạt động xây lắp

Căn cứ vào thông tin chi phí thực tế đã thu thập được, kế toán tiến hành so sánh, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch, thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Qua đó có thể xác định được nhân tố ảnh hưởng và kết cấu chi phí, trách nhiệm của đối tượng, bộ phận liên quan...từ đó mà nhà quản trị đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, khai thác khả năng tiềm tàng để sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

Căn cứ vào mục tiêu kiểm soát chi phí của nhà quản trị thông tin về chi phí sản xuất được kiểm soát ở các cấp độ khác nhau. Khi đánh giá mối quan hệ giữa chi phí thực hiện và chi phí dự toán, Kế toán quản trị chi phí sẽ phân tích mối quan hệ này trong mỗi quan hệ biến động của các yếu tố đã dự toán và các yếu tố phát sinh thêm. Khi đánh giá chi phí thực hiện kỳ này với kỳ trước kế toán quản trị chi phí phân tích thông tin về chi phí thực hiện giữa các kỳ trong mỗi quan hệ với mức độ hoạt động, mức độ doanh thu hay lợi nhuận. Để kiểm soát chi phí sản xuất các thông tin chi phí cần được thiết lập báo cáo kết quả hoạt động dưới dạng so sánh để xác định các mức chênh lệch từ đó tìm nguyên nhân và đề ra giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Chi phí phát sinh thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với dự kiến (định mức, dự toán ban đầu), điều này tạo nên sự biến động chi phí. Thông thường trong doanh nghiệp cần phân tích chi phí sản xuất dựa trên sự biến động của một số loại chi phí sản xuất chủ yếu sau:

Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là so sánh giữa chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực hiện với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã dự toán và xác định các nguyên nhân biến động trên hai mặt giá và lượng đã tác động như thế nào đến biến động chung.

Tổng biến động CP NVLTT = Biến động về giá + Biến động về lượng

Biến động về giá = Lượng thực tế x (Giá thực tế - Giá định mức) Biến động về

lượng = Giá định mức x (Lượng thực tế - lượng định mức)

Trong trường hợp doanh nghiệp có sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khi xem xét biến động chi phí nguyên vật liệu phải xem xét biến động kết cấu và biến động lượng của chi phí nguyên vật liệu.

Biến động kết cấu nguyên vật liệu là chênh lệch giữa tổng lượng thực tế sử dụng trong cơ cấu tiêu chuẩn (dự toán) với các lượng thực tế trong cơ cấu thực tế tính theo giá tiêu chuẩn. Đây là thước đo phản ánh theo cơ cấu thực tế chi phí nguyên vật liệu cao hơn hay thấp hơn theo cơ cấu tiêu chuẩn.

Biến động lượng của chi phí nguyên vật liệu là chênh lệch giữa lượng đầu vào thực tế với lượng đầu vào tiêu chuẩn (dự toán) theo cơ cấu tiêu chuẩn, tính theo giá tiêu chuẩn.

Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

Biến động chi phí nhân công trực tiếp là chênh lệch giữa chi phí nhân công thực tế thực hiện so với chi phí nhân công tiêu chuẩn (dự toán, định mức). Phân tích biến động chi phí nhân công được phân tích trên hai nguyên nhân biến động là giá lao động và biến động năng suất lao động (NSLĐ).

$$\text{Biến động về lượng (biến động do NSLĐ)} = \text{Đơn giá tiền lương định mức} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Số giờ lao động thực tế} \\ - \text{Số giờ lao động định mức} \end{array} \right\}$$

$$\text{Biến động về đơn giá (biến động do đơn giá tiền lương)} = \text{Số giờ lao động thực tế} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Đơn giá tiền lương thực tế} \\ - \text{Đơn giá tiền lương định mức} \end{array} \right\}$$

$$\text{Tổng biến động CP NCTT} = \text{Biến động về lương (biến đổi do NSLĐ)} + \text{Biến động về giá (biến động do đơn giá tiền lương)}$$

Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

Phân tích biến động chi phí sản xuất chung là so sánh giữa chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh với chi phí sản xuất chung tiêu chuẩn (dự toán). Phân tích biến động chi phí sản xuất chung phải phân tích trên hai yếu tố là chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phân tích biến động chi phí sản xuất chung biến đổi là việc so sánh giữa chi phí sản xuất chung biến đổi thực tế và chi phí sản xuất chung biến đổi theo định mức, chúng được chia thành biến động về giá và biến động về lượng.

$$\begin{array}{l} \text{Biến động về} \\ \text{lượng CP SXC} \\ \text{biến đổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phân bổ} \\ \text{theo dự toán} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Lượng cơ sở} \\ \text{phân bổ thực} \\ \text{tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Lượng cơ} \\ \text{sở phân bổ} \\ \text{dự toán} \end{array} \right\}$$

$$\begin{array}{l} \text{Biến động về giá} \\ \text{CP SXC biến đổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CP SXC biến đổi} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CP SXC biến đổi dự toán} \\ \text{(theo lượng thực tế)} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng CP SXC} \\ \text{biến đổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Biến động về} \\ \text{lượng CP SXC} \\ \text{biến đổi} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Biến động về giá CP} \\ \text{SXC biến đổi} \end{array}$$

Phân tích biến động chi phí sản xuất chung cố định là so sánh tổng chi phí sản xuất chung cố định thực hiện với tổng chi phí sản xuất chung cố định theo định mức (dự toán). Phương pháp phân tích như với chi phí sản xuất chung biến đổi

$$\begin{array}{l} \text{Biến động về} \\ \text{lượng CP SXC} \\ \text{cố định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phân bổ} \\ \text{theo dự toán} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Lượng cơ sở} \\ \text{phân bổ thực} \\ \text{tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Lượng cơ} \\ \text{sở phân bổ} \\ \text{dự toán} \end{array} \right\}$$

$$\begin{array}{l} \text{Biến động về giá} \\ \text{CP SXC cố định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CP SXC cố định} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CP SXC cố định dự toán} \\ \text{(theo lượng thực tế)} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng CP SXC} \\ \text{cố định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Biến động về lượng} \\ \text{CP SXC cố định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Biến động về giá CP} \\ \text{SXC cố định} \end{array}$$

Tổ chức kiểm tra và đánh giá thực hiện công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất.

Tổ chức kiểm tra và đánh giá thực hiện chi phí trong doanh nghiệp xây lắp thông qua việc yêu cầu các bộ phận phải lập báo cáo bộ phận, qua đó đánh giá quá trình thực hiện chi phí so với dự toán nhằm đánh giá biến động chi phí và hoàn thiện các định mức chi phí. Nhằm cung cấp thông tin cho chức năng kiểm soát chi phí của các bộ phận quản lý trong doanh nghiệp.

Một trong những công cụ đặc lực để cung cấp thông tin có tính chất định hướng để nhà quản trị có được các quyết định hiệu quả là báo cáo kế toán quản trị.

1.3.7. Phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn

Phân tích mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận là xem xét mối quan hệ nội tại của các nhân tố: Giá bán, sản lượng, chi phí biến đổi, chi phí cố định và kết cấu mặt hàng, đồng thời xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố đó đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Kết quả phân tích sẽ cung cấp cho nhà quản trị những thông tin thích hợp để ra các quyết định như:

Quyết định giao khoán

Quyết định thuê thầu phụ

Quyết định thay đổi phương án thi công

Quyết định chấp nhận hay từ chối hợp đồng chỉ định thầu hay hợp đồng có một số điều khoản bất lợi

Quyết định loại bỏ một cơ hội kinh doanh thua lỗ...

Khi phân tích mối quan hệ Chi phí - khối lượng – lợi nhuận thường liên quan đến các chỉ tiêu như: Lợi nhuận gộp, cơ cấu chi phí, đòn bẩy kinh doanh, điểm hòa vốn.

Lãi gộp là phần còn lại từ doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các chi phí biến đổi. Chính vì vậy nó là khoản để bù đắp các chi phí cố định và tạo ra lợi nhuận cho kỳ

$$\text{Lãi gộp} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí biến đổi}$$

Lãi gộp đơn vị: là chênh lệch giữa đơn giá bán với chi phí biến đổi một sản phẩm.

Tỷ lệ lãi gộp: Sử dụng tỷ lệ lãi gộp để tính sự thay đổi lãi gộp và lợi nhuận ròng khi thay đổi khối lượng bán hàng. Tỷ lệ lãi gộp được xác định là phần trăm của lãi gộp trên doanh thu theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ lãi gộp} = \frac{\text{Lãi gộp}}{\text{Doanh thu}}$$

Mối quan hệ giữa chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận được thể hiện chủ yếu trong việc phân tích điểm hòa vốn. Thông qua việc phân tích điểm hòa vốn cho phép ta xác định được mức doanh thu với khối lượng sản phẩm và thời gian cần đạt được để bù đắp chi phí đã bỏ ra.

Điểm hòa vốn là điểm mà tại đó doanh thu vừa đủ bù đắp hết chi phí hoạt động kinh doanh đã bỏ ra, trong điều kiện giá bán được chủ đầu tư chấp nhận:

$$\text{Sản lượng hòa vốn} = \frac{\text{Chi phí cố định}}{\text{Lãi gộp đơn vị}}$$

$$\text{Doanh thu hòa vốn} = \frac{\text{Chi phí cố định}}{\text{Tỷ lệ lãi gộp đơn vị}}$$

Phân tích điểm hòa vốn sẽ giúp cho nhà quản lý xem xét quá trình kinh doanh một cách chủ động và tích cực. Điểm hòa vốn cho ta thấy ranh giới của mức doanh thu tạo ra lợi nhuận với mức doanh thu không tạo ra lợi nhuận hay bị lỗ. Căn cứ vào các chỉ tiêu xác định điểm hòa vốn, kết hợp với lợi nhuận mà doanh nghiệp mong muốn, ta có thể xác định được lượng sản phẩm hay doanh thu cần thiết để đạt được lợi nhuận mong muốn theo công thức:

$$\frac{\text{Sản lượng (hoặc doanh thu) đạt lợi nhuận mong muốn}}{\text{đạt lợi nhuận mong muốn}} = \frac{\text{Chi phí cố định} + \text{Lợi nhuận mục tiêu}}{\text{Lãi gộp đơn vị (Tỷ lệ lãi gộp)}}$$

Khi doanh nghiệp mong muốn dự kiến tỷ suất lợi nhuận /doanh thu thì doanh thu cần thiết để đạt tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (ROS) sẽ là bao nhiêu:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu(ROS)} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu}}$$

$$\text{Doanh thu để đạt ROS dự kiến} = \frac{\text{Chi phí cố định}}{\text{Tỷ lệ lãi góp dự kiến}}$$

1.3.8. Tổ chức mô hình kế toán phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất

Tổ chức bộ máy kế toán quản trị cũng là một phần trong kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của Thông tư số 53/2006- TT/BTC của Bộ tài chính về việc hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị doanh nghiệp:

“ Các doanh nghiệp căn cứ vào các điều kiện cụ thể của mình (quy mô, trình độ cán bộ, đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý, phương tiện kỹ thuật..) để tổ chức bộ máy kế toán quản trị theo một trong các hình thức sau: tổ chức bộ máy kế toán kết hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính; tổ chức bộ máy kế toán quản trị độc lập với kế toán tài chính; tổ chức bộ máy kế toán quản trị và kế toán tài chính theo kiểu hỗn hợp” [4, điều IV].

a, Mô hình bộ máy kế toán quản trị độc lập với kế toán tài chính

Theo mô hình này, bộ phận kế toán quản trị được tổ chức độc lập với bộ phận kế toán tài chính: hệ thống tài khoản, sổ kế toán phản ánh, đều được mở riêng phục vụ cho kế toán tài chính và kế toán quản trị. Do đó thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị tách biệt với nhau. **(Phụ lục 04)**

Ưu điểm của mô hình này là có tính chuyên môn hóa trong công tác kế toán cao. Tuy nhiên, nhược điểm của mô hình này không tránh khỏi là khối lượng công việc nhiều, một số nội dung bị trùng lặp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị dẫn đến chi phí phát sinh nhiều. Mặc khác hoạt động tổng hợp thông tin kinh tế từ hai nguồn độc lập phức tạp cho người quản lý.

b, Mô hình tổ chức bộ máy kế toán kết hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính

Theo mô hình này, bộ máy kế toán của doanh nghiệp được tổ chức kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị theo từng phần hành kế toán, nhân viên kế toán đảm nhiệm phần hành kế toán nào thì sẽ thực hiện nội dung kế toán tài chính và kế toán quản trị phần hành đó. Ngoài ra doanh nghiệp phải bố trí thực hiện các nội dung kế toán quản trị chung khác như: thu thập, phân tích các thông tin phục vụ việc lập dự toán và các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp. **(Phụ lục 05)**

Đặc điểm của mô hình này là gọn nhẹ, dễ điều hành, tuy nhiên nhược điểm của mô hình là khó chuyên môn hóa và khi áp dụng mô hình này trong doanh nghiệp thì đòi hỏi trình độ quản lý, phân công công việc phù hợp năng lực trình độ các kế toán viên; và trình độ chuyên môn của các kế toán cũng đòi hỏi cao hơn.

c, Mô hình tổ chức bộ máy kế toán quản trị và kế toán tài chính theo kiểu hỗn hợp (Phụ lục 06)

Mô hình này là sự kết hợp nội dung của hai mô hình tổ chức trình bày ở trên. Theo mô hình này một số bộ phận kế toán quản trị được tổ chức kết hợp với kế toán tài chính, một số bộ phận khác được tổ chức độc lập, cụ thể bộ phận kế toán quản trị chi phí được tổ chức độc lập với kế toán tài chính. Mô hình này có thể là bước đệm cho các doanh nghiệp muốn tổ chức theo mô hình kế toán quản trị độc lập với kế toán quản trị tuy nhiên trình độ quản lý cũng như quy mô chưa đủ để tổ chức ngay bộ phận kế toán quản trị độc lập.

1.4. Cơ sở thực tiễn về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.4.1. Thực tiễn về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Các doanh nghiệp xây lắp tại Việt Nam thường gặp thách thức trong việc quản trị chi phí sản xuất, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công, máy móc thiết bị và chi phí chung. Dưới đây là một số kinh nghiệm thực tiễn từ các doanh nghiệp xây lắp lớn tại Việt Nam trong việc tối ưu hóa quản trị chi phí sản xuất:

- Tổng Công ty Xây dựng số 1 (CC1) – Quản lý chặt chẽ chi phí nguyên vật liệu.

Kinh nghiệm: CCI sử dụng phần mềm quản lý kho tích hợp với hệ thống kế toán để theo dõi lượng vật tư nhập - xuất - tồn theo từng công trình.

Hiệu quả: Giảm thiểu thất thoát nguyên vật liệu, hạn chế việc mua dư thừa, đồng thời tối ưu hóa chi phí mua sắm theo giá thị trường.

Bài học: Doanh nghiệp xây lắp cần có kế hoạch mua vật tư hợp lý, tận dụng hợp đồng cung ứng dài hạn để có giá tốt và đảm bảo tiến độ công trình.

- Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons – Kiểm soát chi phí nhân công qua hệ thống chấm công tự động

Kinh nghiệm: Coteccons triển khai hệ thống chấm công điện tử và quản lý nhân sự online để theo dõi số giờ làm việc của công nhân tại từng công trình.

Hiệu quả: Hạn chế thất thoát chi phí nhân công do khai khống giờ làm, đồng thời giúp kế toán dễ dàng tính toán lương và bảo hiểm theo từng hạng mục công trình.

Bài học: Doanh nghiệp nên sử dụng công nghệ số hóa trong quản lý nhân công để minh bạch hóa dữ liệu và kiểm soát tốt hơn quỹ lương.

- Công ty Xây dựng Hòa Bình – Quản trị chi phí máy móc, thiết bị thi công.

Kinh nghiệm: Hòa Bình sử dụng hệ thống theo dõi GPS trên thiết bị thi công để kiểm soát số giờ hoạt động của máy móc, xác định vị trí và đánh giá hiệu suất sử dụng.

Hiệu quả: Giảm hao phí nhiên liệu, hạn chế hỏng hóc do vận hành sai, đồng thời tối ưu hóa lịch bảo trì để giảm chi phí sửa chữa.

Bài học: Doanh nghiệp xây lắp nên áp dụng hệ thống giám sát tự động để quản lý chi phí thiết bị hiệu quả hơn, giảm hao mòn và tăng tuổi thọ sử dụng.

- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn – Quản trị chi phí gián tiếp và chi phí chung

Kinh nghiệm: Trường Sơn áp dụng mô hình dự toán linh hoạt, trong đó chi phí gián tiếp như điện, nước, vận hành được phân bổ theo từng giai đoạn thi công để có thể điều chỉnh kịp thời.

Hiệu quả: Giúp doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ chi phí gián tiếp, hạn chế bội chi trong quá trình thực hiện dự án.

Bài học: Doanh nghiệp cần có kế hoạch phân bổ chi phí hợp lý theo tiến độ thi công, đồng thời rà soát thường xuyên để điều chỉnh kịp thời.

- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex – Sử dụng phần mềm kế toán quản trị chi phí

Kinh nghiệm: Vinaconex sử dụng phần mềm ERP tích hợp kế toán và quản lý chi phí để theo dõi chi phí theo từng hạng mục công trình, cập nhật dữ liệu theo thời gian thực.

Hiệu quả: Giúp kế toán và ban lãnh đạo có thể đưa ra quyết định tài chính nhanh chóng, đồng thời tránh sai sót trong quản lý chi phí.

Bài học: Doanh nghiệp xây lắp nên đầu tư vào hệ thống ERP hoặc phần mềm quản trị chi phí để nâng cao hiệu quả kiểm soát tài chính.

1.4.2. Một số bài học kinh nghiệm rút ra cho Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương

Những doanh nghiệp xây lắp lớn tại Việt Nam đã áp dụng nhiều giải pháp kế toán quản trị chi phí sản xuất hiệu quả, từ quản lý nguyên vật liệu, nhân công, máy móc cho đến tối ưu chi phí gián tiếp.

Bài học kinh nghiệm quan trọng rút ra cho Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương là:

- Ứng dụng công nghệ trong quản lý chi phí (ERP, GPS, phần mềm kế toán...).
- Lập kế hoạch và theo dõi chi phí sát với thực tế để điều chỉnh kịp thời.
- Tăng cường giám sát và minh bạch trong quản lý tài chính tại công trình.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ để giảm thiểu sai sót và gian lận.
- Đào tạo và nâng cao năng lực kế toán viên trong doanh nghiệp để thích ứng với công nghệ mới.

Tiểu kết chương 1

Kế toán quản trị là công cụ cung cấp thông tin kịp thời cho việc thực hiện các chức năng quản trị trong doanh nghiệp . Kế toán quản trị chi phí là một nội dung hết sức quan trọng của kế toán quản trị, thực hiện xử lý và cung cấp thông tin chi phí cho các nhà quản trị ra quyết định kinh doanh, bởi hầu hết các quyết định kinh doanh của nhà doanh nghiệp đều liên quan đến chi phí. Chương này của đề án đi sâu nghiên cứu bản chất, vai trò của kế toán quản trị chi phí cũng như nội dung chính của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

Đề án đã đề cập nội dung chính của kế toán quản trị chi phí sản xuất bao gồm đặc điểm chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất, lập dự toán chi phí sản xuất xây dựng, xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp, xây dựng trung tâm chi phí, đề cập các loại báo cáo kế toán quản trị về chi phí, công tác tổ chức kiểm soát chi phí trong hoạt động xây lắp, phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho ra quyết định ngắn hạn. Bên cạnh đó , tổ chức mô hình kế toán quản trị tùy thuộc vào điều kiện thực tế, đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp để phát huy tốt nhất vai trò của kế toán quản trị chi phí.

Trên cơ sở các vấn đề được hệ thống hóa ở Chương 1, làm căn cứ cho việc đánh giá, phân tích thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương sẽ được đề cập ở Chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH HẢI DƯƠNG

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương

2.1.1. Đặc điểm tổ chức và quản lý kinh doanh ở Công ty

Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần

Điện thoại: 0220.735.893 Mã số thuế: 0800876618

Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương được thành lập theo nguyện vọng của những thành phần đã từng tham gia trong các lĩnh vực xây dựng, kinh doanh nhiều năm, được khách hàng tín nhiệm, đã thi công xây dựng nhiều công trình trong và ngoài tỉnh với cơ chế mở cửa, hội nhập mới những thành viên đã hội tụ cùng nhau để hoà mình vào nhịp sống mới của xã hội.

Được thành lập và kinh doanh theo giấy phép số 0800791569 ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hải Dương. Hội đồng quản trị công ty đã xác định ngay trách nhiệm của mình về ý thức xây dựng công ty xứng với danh là doanh nghiệp trẻ năng động, sáng tạo trong giai đoạn mới.

Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương ngày hôm nay, những thành viên sáng lập thống nhất định hướng phát triển công ty theo mô hình công ty cổ phần. Chỉ có như thế với thời gian ngắn nhất sẽ thu nạp được những cổ đông giàu nghị lực góp thêm tiền vốn – công sức của mình làm vẻ vang, đưa công ty sánh vai với các doanh nghiệp đã đi trước.

Mức tăng trưởng hàng năm của ngành xây dựng từ 15-20% đồng nghĩa với

xây dựng các nguồn đầu tư trong lĩnh vực xây dựng, củng cố nâng cấp các công trình cũ, là con số không nhỏ trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Hiện nay, các công ty xây dựng cũng từng bước chuyển đổi mô hình cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước, tất cả bước bứt phá của ngành xây dựng là chiến lược và quy mô sản xuất để thực hiện theo chủ trương lớn của Đảng và chính sách chế độ của Nhà nước. Sự kịp thời và đúng cơ hội là chiến lược kinh doanh của công ty

Lĩnh vực hoạt động, quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp

Ngành nghề kinh doanh (*Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0800791569 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2009*). Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là:

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình văn hóa; Xây dựng cơ sở hạ tầng; Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KW;

- Phá dỡ công trình

Chuẩn bị mặt bằng; San lấp nền, đóng ép cọc, xử lý nền móng công trình;

Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện các công trình xây dựng.

Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty (Phụ lục 07 và 08)

Tại trụ sở chính có Giám đốc công ty giữ vai trò tổng chỉ huy, ngoài ra còn có các phó giám đốc phụ trách từng khâu chuyên môn giúp việc cho Giám đốc công ty.

- + Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật

- + Phó giám đốc phụ trách kinh doanh

Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ kết hợp với nhau và đều có sự liên hệ chặt chẽ với ban chỉ huy công trường. Theo đúng chuyên môn các phòng kế hoạch tài vụ, tài chính, vật tư... Tổ chức lao động điều cử cán bộ có trách nhiệm theo dõi giám sát chặt chẽ các hoạt động trên công trường. Mọi yêu cầu phục vụ cho công

trường cũng như các tình huống phát sinh trong quá trình thi công đều được các phòng nghiệp vụ dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc kết hợp với Ban chỉ huy công trường giải quyết kịp thời.

*** Tổ chức bộ máy quản lý công trường**

Ban chỉ huy công trường là bộ phận trực tiếp chỉ đạo quản lý công trường. Giúp việc cho Ban chỉ huy công trường là các bộ phận với những chức năng khác nhau.

Bộ phận kỹ thuật làm việc hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát kỹ thuật, thi công theo đúng thiết kế, nghiệm thu khối lượng các công tác đã hoàn thành. Hoàn chỉnh các biện pháp thi công và đề xuất những kiến nghị liên quan tới kỹ thuật công trình.

Bộ phận kế toán – Hành chính có trách nhiệm quản lý về tài chính, đảm bảo đủ kinh phí và các yếu tố cần thiết phục vụ cho hoạt động xây lắp và đời sống sinh hoạt trên công trường. Ngoài ra bộ phận kho còn đảm đương công tác bảo vệ kho tàng, tài sản chống hư hao thất thoát.

Bộ phận vật tư , thiết bị giúp ban chỉ huy công trường tính toán nhu cầu, lập kế hoạch điều phối cung ứng và quản lý vật tư máy móc, xe thi công ,theo tiến độ thi công công trình. Bộ phận này còn đặc trách phòng chống mưa bão, chống nổ cũng như sẵn sàng ứng phó khi có tình huống xấu xảy ra trên công trường.

Các tổ chuyên môn được điều động đến công trường tùy theo giai đoạn thi công và đều dưới sự quản lý điều hành trực tiếp của Ban chỉ huy công trường.

Để bộ máy quản lý, thi công công trường vận hành ổn định, đạt hiệu quả cao nhất đòi hỏi sự năng động của Ban chỉ huy công trường cũng như các bộ phận giúp việc, các tổ chuyên môn đặc biệt là sự chỉ đạo chặt chẽ, sang suốt từ trụ sở công ty. Ban chỉ huy công trường thường xuyên báo cáo tình hình thi công tại công trình về phòng kế hoạch – kỹ thuật công ty để Công ty theo dõi và điều hành sản xuất kịp thời đảm bảo chất lượng và tiến độ của công trường.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty của những năm gần đây

Bảng 2.1: Báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính 2022, 2023, 2024*(ĐVT: VNĐ)*

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024
Doanh thu BH và CCDV	4.128.993.588	2.409.169.744	2.881.437.531
Các khoản giảm trừ	-	-	-
DT thuần BH và CCDV	4.128.993.588	2.409.169.744	2.881.437.531
Giá vốn hàng bán	3.849.325.582	2.063.044.652	2.487.077.015
Lợi nhuận gộp BH và CCDV	279.668.006	346.125.092	394.360.516
Doanh thu hoạt động tài chính	222.300	117.700	250.200
Chi phí tài chính	-	-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	257.348.119	342.788.790	375.533.973
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	22.542.187	3.454.002	19.076.743
Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-
Tổng lợi nhuận trước thuế	22.542.187	3.454.002	19.076.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.542.187	3.454.002	19.076.743
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-	-

2.1.2. Hình thức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán công ty. Các đội, đơn vị thi công trực thuộc công ty không tổ chức bộ phận kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên thống kê, kế toán làm nhiệm vụ hướng dẫn hạch toán ban đầu, thu thập, phân loại, kiểm tra các chứng từ ban đầu, sau đó lập bảng kế toán chuyển chứng từ ban đầu về phòng kế toán – tài chính, tại đây việc ghi chép kế toán được tiến hành.

Mô hình kế toán Công ty áp dụng là mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Nghĩa là một nhân viên đảm nhiệm cả vai trò kế toán tài chính và kế toán quản trị phân hành mà nhân viên đó chịu trách nhiệm. **(Phụ lục 09)**

Chức năng nhiệm vụ:

Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm trước nhà nước, giám đốc về mặt nghiệp vụ đó là công tác tài chính kế toán và kế toán quản trị tổ chức điều hành công tác kế toán của công ty.

Phó phòng kế toán: giúp kế toán trưởng về công tác kế toán theo dõi chi phí giá thành để xác định doanh thu từ đó lập báo cáo tài chính.

Kế toán quản lý hạch toán vật liệu, tiền lương: giúp kế toán trưởng theo dõi tiêu hao chi phí về vật tư trong kho nhập – xuất – tồn xác định chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho từng công trình, hạng mục công trình.

Kế toán quản lý hạch toán tài sản cố định và thuế: giúp kế toán trưởng theo dõi sự biến động của TSCĐ trong công ty, tính khấu hao, tăng (giảm) nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ. Đồng thời kê khai đối chiếu thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước, quyết toán thuế toàn công ty.

Kế toán quản lý TGNH, tiền mặt, vốn vay, công nợ: chịu trách nhiệm theo dõi giúp kế toán trưởng hạch toán quỹ tiền mặt, thu – chi, theo dõi tiền vay, tiền gửi ngân hàng. Đồng thời theo dõi đối chiếu công nợ với khách hàng lập kế hoạch tài chính.

Thủ quỹ kết hợp theo dõi tiền lương chế độ BHXH: Thực hiện chi theo lệnh của kế toán trưởng căn cứ các chứng từ gốc(hợp lệ) đề xuất , nhập ghi sổ quỹ phần thu – chi của kế toán tiền mặt. Đồng thời theo dõi lương văn phòng ở công ty và ở các đội thi công trực tiếp, trích BHXH hàng tháng .

Nhân viên thống kê ở các đội thi công trực thuộc: có trách nhiệm thu thập gửi các chứng từ có liên quan về phòng kế toán.

*** Hình thức kế toán áp dụng tại công ty**

Hiện nay, Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính (Hình thức Nhật ký chung) kế toán sử dụng phần mềm kế toán để xử lý lưu trữ và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thay cho công việc sử dụng các sổ kế toán thủ công. Nhân viên cần nhập số liệu và thông tin trên chứng từ vào máy, phần mềm kế toán sẽ tự xử lý thông tin theo chương trình định sẵn để in hoặc hiển thị báo cáo theo yêu cầu.

Phần mềm mà công ty sử dụng là phần mềm kế toán 1A

Trình tự luân chuyển chứng từ và trình tự hạch toán phản ánh qua (**Phụ lục 10**)

Hàng ngày, khi nghiệp vụ phát sinh, kế toán viên kiểm tra lập chứng từ

kế toán trình kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán rồi trình giám đốc phê duyệt. Sau đó chứng từ cùng loại được kế toán viên đảm trách phần đó lên bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Cuối cùng phó phòng kế toán kiểm tra, phân loại sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và nhập các chứng từ vào máy tính để lên sổ Nhật ký chung và sổ cái các tài khoản liên quan. Đồng thời kế toán các phần hành cũng nhập chứng từ vào máy để lên các sổ chi tiết cuối tháng phó phòng kế toán sẽ lập và in báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

Niên độ kế toán: bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng: Là hình thức nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi sổ theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế.

Căn cứ vào quy mô và nội dung nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị, kế toán công ty đã xác định danh mục tài khoản cụ thể và có chi tiết các tài khoản thành các tài khoản theo đối tượng hạch toán ở đây là từng công trình, hạng mục công trình.

Đơn vị hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nguyên tắc đánh giá được ghi nhận theo giá gốc, phương pháp tính giá hàng tồn kho cuối năm theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp tính thuế GTGT : phương pháp khấu trừ.

Kế toán tài sản cố định:

+ Nguyên giá: theo giá thực tế

+ Khấu hao: theo phương pháp đường thẳng dựa trên số năm sử dụng hữu ích

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn: Công cụ dụng cụ và các dịch vụ kho được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Doanh thu được ghi nhận : Doanh thu cung cấp dịch vụ tuân thủ theo 3 tiêu chuẩn của chuẩn mực kế toán 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”

2.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương

2.2.1. Đặc điểm và phân loại chi phí sản xuất tại công ty

Qua khảo sát thực tế bằng bảng hỏi và phỏng vấn công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương cho thấy Công ty đã phân loại chi phí sản xuất theo chức năng hoạt động mục đích và công dụng của chi phí. Mục đích của cách phân loại này là ghi nhận và cung cấp thông tin chi phí sản xuất phát sinh của từng đối tượng chi phí như từng công trình, hạng mục công trình theo từng khoản mục cụ thể: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí chung.

- *Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp*: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế...trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất thi công xây lắp, chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ dịch vụ như:

- + Vật liệu xây dựng chính: gạch, cát, đá, sỏi, sắt, thép, xi măng...
- + Vật liệu khác như: đinh, dây giáo, nhựa bitum..., vật liệu điện, nước...
- + Nhiên liệu: Xăng, dầu...
- + Thiết bị lắp đặt: công tơ, tủ biến áp...
- + Thiết bị gắn liền với vật kiến trúc: thiết bị vệ sinh, thông gió, thiết bị sưởi ấm, làm mát điều hòa...

Những nguyên vật liệu này được mua ngay tại địa bàn xây dựng công trình hoặc các nơi khác chuyển đến. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: bao gồm tổng số tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương của công nhân trực tiếp thi công xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp kể cả công nhân vận chuyển, bỏ dỡ nguyên vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công (Các khoản phải trả cho người lao động thuộc Công ty quản lý và lao động thuê ngoài theo từng công trình). Hiện tại Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và lương khoán.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: Bao gồm toàn bộ chi phí cho máy thi công nhằm thực hiện khối lượng xây dựng bằng máy như chi phí về nhiên liệu, điện, xăng dầu... chi phí khấu hao máy móc thiết bị, tiền thuê máy, tiền lương công nhân điều khiển máy thi công.

Khi có nhu cầu sử dụng máy, ngoài một số máy móc thông dụng công ty có sẵn thì Công ty tiến hành thuê máy thi công. Máy thuê ngoài thường là máy lắp dựng, máy nén, máy ép cọc, máy lu ... Công ty tiến hành thuê máy theo phương thức thuê trọn gói, bao gồm cả chi phí sử dụng máy và chi phí công nhân điều khiển máy. Do vậy chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty chỉ bao gồm chi phí thuê máy thi công, chi phí nhiên liệu chạy máy và chi phí khấu hao tài sản cố định đối với máy móc có sẵn của công ty.

Máy thi công của Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương gồm có:

+ Máy đầm, máy cóc

+ Máy đào đất, xúc đất....

+ Tùy theo nhu cầu thi công của các đội, công ty giao máy cho các đội tự quản lý, điều hành xe, máy thi công dưới sự giám sát của phòng ban trực tiếp quản lý.

Trong trường hợp để đảm bảo cho tiến độ thi công, cần thuê máy thi công ở ngoài thì đội công trình phải lập bản ký “ Hợp đồng thuê máy thi công”. Khi hợp đồng thuê máy kết thúc thì có “ Biên bản thanh lý thuê máy thi công”. Kế toán căn cứ vào chứng từ để tiến hành ghi sổ hạch toán kế toán và vào phần mềm

- *Chi phí sản xuất chung*. Chi phí sản xuất chung tại công ty bao gồm: Tiền lương nhân viên quản lý, trích BHXH, BHYT, KPCĐ cho nhân viên quản lý và công nhân trực tiếp xây lắp công nhân lái và phục vụ máy thi công, khấu hao tài sản cố định (trừ khấu hao máy thi công), chi phí dịch vụ mua ngoài điện, nước, vv... và chi phí khác.

Chi phí sản xuất chung liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì được ngay cho công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình thì được phân bổ cho các công trình theo tỷ lệ thích hợp. Tiền lương nhân viên quản lý đội như đội trưởng, cán bộ kỹ thuật, khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp và nhân viên quản lý đội xây lắp.

Chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho việc quản lý sản xuất chung của đội xây lắp

Chi phí thuê mượn nhà ở ...

Chi phí khấu hao TSCĐ trong quá trình sử dụng máy móc thiết bị, giá trị TSCĐ được chuyển dần vào giá trị công trình dưới hình thức khấu hao. Việc tính khấu hao là nhằm thu hồi vốn đầu tư. TSCĐ bị hư hỏng không sử dụng được nữa. Hiện nay công ty sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

Theo cách phân loại chi phí sản xuất này của Công ty chỉ phục vụ cho công tác lập báo cáo tài chính mà chưa quan tâm đến việc phân loại chi phí phục vụ cho quản trị doanh nghiệp. Công ty chưa thực hiện phân loại chi phí sản xuất theo hình thái của chi phí: Chi phí cố định, chi phí biến đổi, chi phí hỗn hợp hay phân loại chi

phí theo đối tượng chịu chi phí: chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp....Đây là vấn đề còn tồn tại tại công ty cần phải tiếp tục quan tâm và hoàn thiện nhằm phát huy hơn nữa vai trò của thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản trị của doanh nghiệp.

2.2.2. Thực trạng công tác lập dự toán chi phí sản xuất tại công ty

a, Xây dựng định mức

Theo kết quả khảo sát tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương thực hiện định mức dự toán theo:

Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2022 về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình của Bộ Xây dựng.

Quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/5/2022 về việc công bố định mức lắp đặt công trình của Bộ Xây dựng.

Quyết định số 1129/QĐ-BXD ngày 07/12/2019 về việc công bố định mức dự toán phần sửa chữa công trình của Bộ Xây dựng.

Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương căn cứ vào Quyết định này để khoán định mức cho các đội xây lắp. Khi công trình hoàn thành, định mức chi phí là cơ sở để đối chiếu thực tế để phê duyệt quyết toán kinh phí xây lắp cho các đội thi công cũng như phê duyệt kinh phí nghiệm thu với chủ đầu tư. Đồng thời thông tin về định mức chi phí còn phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán...

b, Lập dự toán chi phí sản xuất

Căn cứ vào Thông tư 06/2024/TT-BXD ngày 10/03/2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình và hệ thống định mức chi phí xây lắp;

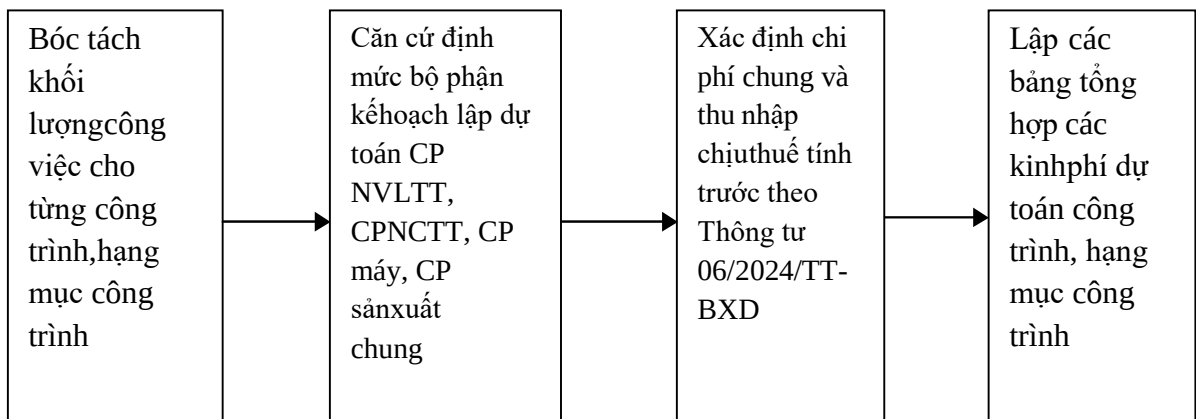
Căn cứ các bảng giá ca máy thiết bị thi công trên địa bàn TP. Hải Dương theo Quyết định 5477/QĐ-UBND ngày 24/11/2013;

Căn cứ đơn giá xây dựng công trình Thành phố Hải Dương theo quyết định 5481 và 5479/2011/QĐ-UBND ngày 24/11/2013;

Căn cứ Quyết định 7414/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Dương về việc công bố giá nhân công thị trường trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hải Dương.

Căn cứ công bố giá vật liệu xây dựng Thành phố Hải Dương số 01/2024/CBGVL-LS ngày 01/03/2024.

Công ty tiến hành lập dự toán xây lắp cho từng công trình nhằm cụ thể hóa các mục tiêu của công ty kiểm soát chi phí là cơ sở để công ty xác định giá trị hợp đồng và ký kết hợp đồng kinh tế, thanh quyết toán khối lượng công tác xây lắp hoàn thành. Quy trình lập dự toán tại Công ty được thể hiện như sau:



Sơ đồ 2.1: Quy trình lập dự toán tại Công ty

Tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương, dự toán được lập cho Công trình: Đường bê tông + kê đá đoạn từ nhà ông Gián đến đường nối ra nghĩa trang thôn An Thượng. Địa điểm xây dựng: Thôn An Thượng - Xã Dân An - Huyện Tứ Kỳ - Tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công. Khối lượng công tác xây lắp được tính theo thiết kế phù hợp với danh mục định mức được Nhà nước quy định, đơn giá xây dựng cơ bản. Công ty tiến hành lập dự toán tổng hợp kinh phí cho công trình, hạng mục công trình.

Bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng: Bảng được xây dựng với khối lượng tính toán từ bản vẽ, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, đơn giá của từng hạng mục công việc được xây dựng theo khung giá của Sở Xây dựng của địa phương nơi xây dựng công trình. Trong bản dự toán kinh phí dự toán sẽ chỉ rõ khi xây dựng công trình chi phí cần cho phần vật liệu, nhân công, và các chi phí khác là bao nhiêu (*Phụ lục 11*).

Bảng dự toán hạng mục công trình: Trong bảng này, người lập dự toán liệt kê tất cả nội dung, khối lượng dự kiến phát sinh trong hạng mục đó chỉ ra, vật liệu, nhân công, chi phí máy cho từng khối lượng công việc cụ thể.

Bảng đơn giá chi tiết công trình: Trong bảng này là đơn giá chi tiết của từng đầu mục công việc và tính toán cho một đơn vị khối lượng (*Phụ lục 12*)

Căn cứ vào tiến độ thi công và dự toán đã được duyệt thẩm định, bảng đơn giá chi tiết đội thi công tiến hành bóc tách các khoản mục chi phí từ đó hình thành các bản dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí máy thi công và dự toán chi phí sản xuất chung.

Về dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Phụ lục 13)

Căn cứ dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tổng thể cho toàn công trình, theo tiến độ thi công đã lập, Phòng Kế toán sẽ lập kế hoạch tính toán khối lượng cung cấp vật liệu và dự toán vật liệu hàng tháng hoặc hàng quý phục vụ thi công công trình. Kế hoạch cung cấp các vật liệu chính như: xi măng, sắt thép, cát, đá, sỏi... được lập chi tiết theo tiến độ thi công từng tháng, từng quý theo từng hạng mục công việc. Nguyên vật liệu trực tiếp thi công thường xuyên được theo dõi kiểm tra để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế.

Trong quá trình thi công kế hoạch đã lập là cơ sở để phòng vật tư cung ứng vật tư cho đơn vị thi công, dự toán vật liệu là cơ sở cho phòng tài chính kế toán cung cấp tài chính để phòng vật tư mua nguyên vật liệu. Phòng vật tư là bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện công tác thu mua và dự trữ nguyên vật liệu và lựa chọn nhà cung cấp.

Phòng vật tư sẽ căn cứ kế hoạch cung cấp và dự toán nguyên vật liệu do phòng kế toán lập và kiểm tra giá thực tế trên thị trường tiến hành khảo sát lựa chọn nhà cung cấp vật tư phù hợp nhất đáp ứng được yêu cầu của công ty. Phòng vật tư tiến hành phối hợp với phòng kế toán thương thảo và ký hợp đồng mua bán vật tư. Vật tư sẽ được nhà cung cấp cung cấp tới chân công trình thi công theo tiến độ thi công và nhu cầu thực tế do ban chỉ huy công trường báo về công ty.

Bảng 2.2: Kế hoạch cung cấp vật liệu chính

STT	Loại vật tư	ĐVT	Tháng			
			5+6	7+8	9+10	11+12
1	Xi măng PC30	Kg		40.000	100.000	100.000
2	Cát vàng	M3		200	200	200
						
	Sắt thép	Kg		4.500	5.000	6.000

(Nguồn phòng tài chính kế toán công ty)

Về dự toán chi phí nhân công trực tiếp (Phụ lục 14)

Theo các phương án tổ chức thi công do nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công đề xuất và phòng kỹ thuật kiểm tra xong chuyển phòng kế toán tính toán khối lượng ngày công bậc thợ cần thiết. Theo tiến độ thi công, phòng kế toán lập kế hoạch cung cấp nhân công hàng tháng, hàng quý cho công trình thi công, có thể là thuê nhân công ngoài là lao động trực tiếp trên địa bàn thi công công trình hoặc nhân công có sẵn của công ty. Dự toán nhân công cũng là cơ sở để phòng kế toán cung cấp tài chính để trả lương, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn theo đúng quy định cho người lao động.

Bảng 2.3: Kế hoạch huy động nhân công công trình

STT	Nhân công	ĐVT	Tháng			
			5+6	7+8	9+10	11+12
1	Nhân công bậc 3,0/7	Công		200	300	405
2	Nhân công bậc 3,5/7	Công		1.000	1.100	1.220
3	Nhân công bậc 4,0/7	Công		100	110	126

(Nguồn phòng tài chính kế toán công ty)

Trong quá trình thi công theo tiến độ và tính chất hạng mục công việc thực tế yêu cầu cần thiết nếu thiếu nhân công, Ban chỉ huy công trường chủ động báo về

công ty để xin kế hoạch thuê thêm nhân công lao động tại địa phương. Vì vậy ban chỉ huy công trường luôn có công tác chuẩn bị để sẵn sàng thuê ngoài tránh bị động trong quá trình thi công làm chậm tiến độ thi công công trình.

- Về dự toán chi phí máy thi công (Phụ lục 15)

Căn cứ phương án tổ chức thi công do nhà thầu đề xuất và phòng kỹ thuật kiểm tra xong chuyển phòng kế toán tính toán khối lượng ca máy, loại máy móc thiết bị cần thiết phục vụ thi công công trình.

Theo tiến độ thi công đã lập phòng vật tư và phòng kế toán lập kế hoạch điều chuyển máy sẵn có của công ty đến công trình thi công hoặc có kế hoạch thuê ngoài đối với máy thi công công ty không có sẵn. Kế hoạch cung cấp các thiết bị máy móc cũng được lập theo từng tháng, từng quý và theo tiến độ thi công công trình theo từng hạng mục công việc. Chi phí máy thi công thường xuyên được theo dõi kiểm tra để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp thực tế khi có phát sinh.

Căn cứ khả năng thiết bị hiện có còn hoạt động được của công ty, phòng vật tư đề xuất với phòng kế toán mua nhiên liệu để vận hành, bảo dưỡng máy. Trong trường hợp phải thuê máy ngoài phòng vật tư phối hợp với phòng kế toán lựa chọn nhà cung cấp và thương thảo ký hợp đồng cung cấp thiết bị đáp ứng các yêu cầu về giá cạnh tranh, thiết bị tốt đáp ứng yêu cầu tính năng sử dụng tốt. Thiết bị, máy móc thuê ngoài được nhà cung cấp giao cho đơn vị thi công tại chân công trình.

Bảng 2.4: Kế hoạch huy động máy thi công công trình

STT	Loại vật tư	ĐVT	Tháng			
			5+6	7+8	9+10	11+12
1	Máy đào	Ca	4	2	2,1	1
2	Máy đầm cóc	Ca	50	20	20	8
						
	Máy đầm dùi 1,5kw	Ca	20	10	14	10

(Nguồn phòng tài chính kế toán)

- Dự toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung theo quy định xây dựng cơ bản được trích 5,5% chi phí trực tiếp dự toán công trình.

Công trình: Đường bê tông +kè đá đoạn từ nhà ông Gián đến đường nối ra nghĩa trang nhân dân thôn An Thượng dự toán chi phí sản xuất chung là 86 triệu dùng cho việc trả lương bộ phận văn phòng công ty, các chi phí khác như điện, nước, ...

2.2.3. Thực trạng xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp

Tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp có dự toán riêng đã hoàn thành. Chi phí phát sinh chỉ gắn với một đối tượng nên phương pháp xác định chi phí sản xuất tại công ty được xác định theo phương pháp trực tiếp tức là các chi phí sản xuất bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung được xác định trên cơ sở thực tế phát sinh tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Do đó để tính giá thành của từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành thì cần đủ các chứng từ phản ánh chi phí thực tế phát sinh, thường là những chứng từ này được lấy từ các tổ, đội sản xuất và chuyển về phòng kế toán định kỳ.

Vì vậy, thông tin chi phí chỉ phục vụ cho công tác tính giá thành từng công trình, hạng mục công trình mà chưa đáp ứng kịp thời thông tin cho nhà quản trị thực hiện các chức năng khác. Việc tổng hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp được tiến hành theo từng đối tượng là công trình hay hạng mục công trình và chi tiết theo từng khoản mục công trình

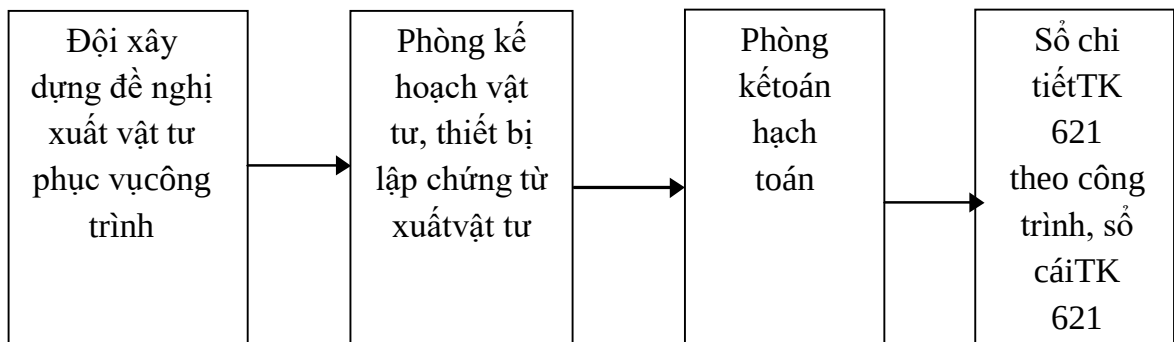
Hàng ngày, sau khi tiếp nhận chứng từ chi phí sản xuất công trình từ các nhân viên thống kê hay đội trưởng tại các đội xây lắp và bộ phận mua vật tư, kế toán giá thành tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ và hạch toán vào phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán tự xử lý số liệu và cập nhật vào các sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 154- Sổ này được mở chi tiết cho từng công trình, sổ tổng hợp và các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị....(Phụ lục 20)

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Qua khảo sát, tại Công ty CP NVLTT chiếm khoảng 60-70% tổng giá trị công trình. Chi phí NVLTT bao gồm: Giá trị thực tế nguyên vật liệu chính như: sắt thép, cát, đá, xi măng... vật liệu phụ, vật liệu kết cấu... cần thiết để cấu thành sản

phẩm xây lắp. Việc mua nguyên vật liệu dựa vào dự toán công trình vì vậy nguyên vật liệu thường được xuất thẳng và sử dụng hết. Khi công trình hoàn thành tiến hành kiểm kê số vật liệu còn lại tại công trình để giảm trừ chi phí nguyên vật liệu đã tính cho từng hạng mục công trình.

Kế toán tại đội hay chính là nhân viên thống kê tại đội theo dõi tình hình nhập xuất nguyên vật liệu và tổng hợp nộp chứng từ về phòng kế toán của công ty vào cuối tháng. Tài khoản 621 được mở chi tiết theo dõi CP NVLTT cho từng công trình, hạng mục công trình, hạch toán theo từng đối tượng sử dụng nguyên vật liệu cuối kỳ kết chuyển chi phí, tính giá thành thực tế của từng đối tượng công trình. (Phụ lục 16)



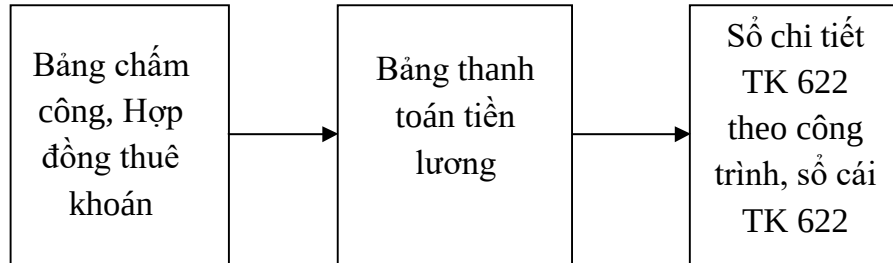
Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Hiện nay, Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương thực hiện thi công công trình chủ yếu theo hình thức khoán gọn công trình nên việc thuê nhân công do chỉ huy trưởng công trường căn cứ vào khối lượng công việc và dự toán chi phí nhân công trực tiếp tiến hành ký hợp đồng thuê nhân công lao động trực tiếp tại địa phương nơi công trình, hạng mục công trình thi công theo hai hình thức lương thời gian hoặc lương khoán cho một công nhân đứng đầu trong tổ công nhân nhận khoán. Chi phí nhân công trực tiếp sẽ được theo dõi trên TK 622 theo từng công trình, hạng mục công trình thể hiện trên sổ chi tiết TK 622 (Phụ lục 17)

Hàng tháng nhân viên tại đội cùng với chỉ huy trưởng công trình tiến hành chấm công cho công nhân gửi bảng chấm công và hợp đồng làm khoán cho kế toán

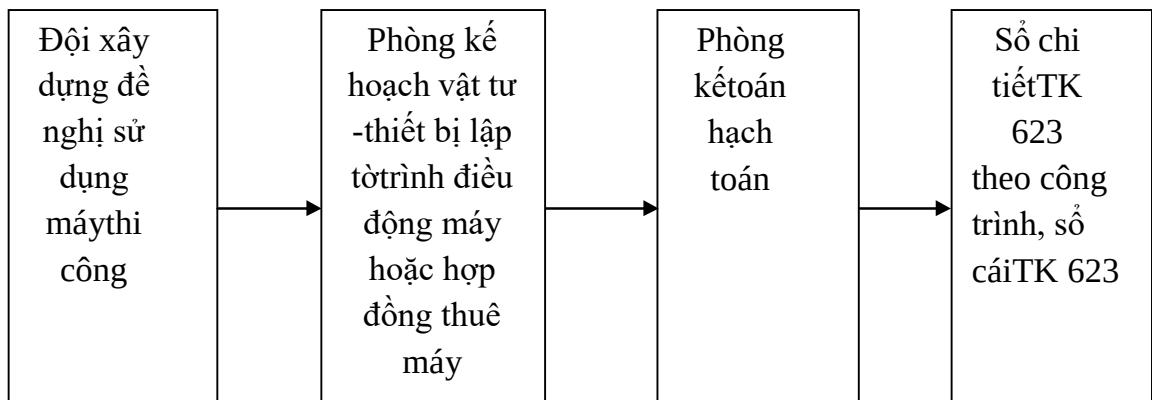
tại công ty, kế toán sẽ tiến hành tính lương, phân bổ tiền lương rồi lên sổ chi tiết và sổ cái tài khoản 622



Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Kế toán chi phí máy thi công

Tại Công ty, toàn bộ máy móc thi công được công ty giao cho bộ phận phòng vật tư - thiết bị quản lý và sử dụng theo yêu cầu của từng công trình. Đối với một số máy thi công công ty chưa trang bị được thì phòng vật tư – thiết bị căn cứ đề xuất của chỉ huy trưởng công trình và dự toán chi phí máy thi công có kế hoạch đề xuất thuê máy thi công bên ngoài. Chi phí máy thi công được hạch toán vào TK 623. (Phụ lục 18)



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công

Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung tại công ty chiếm 6,5% chi phí trực tiếp. Đây là toàn bộ những chi phí phục vụ cho đội xây lắp, công trường xây dựng, các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội như chỉ huy trưởng công trình, chi phí dịch vụ

mua ngoài, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chung bằng tiền khác. Các khoản chi phí sản xuất chung được hạch toán vào tài khoản 627 (*Phụ lục 19*)

Những chi phí phát sinh của công trình nào, hạng mục công trình nào thì trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Với những chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì tại công ty kế toán tiến hành tính phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo các tiêu thức phân bổ phù hợp. Hiện tại Công ty đang sử dụng tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung là chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí sản xuất chung được phân bổ phổ biến sử dụng tỉ lệ chi phí sản xuất chung định trước.

$$\frac{\text{Tỉ lệ chi phí sản xuất chung định trước}}{\text{Tỉ lệ chi phí sản xuất chung định trước}} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung ước tính}}{\text{Tổng số lượng ước tính của tiêu thức phân bổ}}$$

Tính giá thành và phương pháp tính giá thành

Đối tượng tính giá thành tại công ty là các công trình, hạng mục công trình hay khối lượng hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư

Phương pháp tính giá thành: Qua khảo sát thực tế, Công ty đang áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp trực tiếp.

Bảng 2.5: Bảng tính giá thành theo các khoản mục chi phí

Công trình: Đường bê tông+kè đá đoạn từ nhà Ông Gián đến đường nôi ra nghĩa trang nhân dân thôn An Thượng

(ĐVT: Đồng)

STT	Khoản mục chi phí	Số tiền
1	Nguyên vật liệu trực tiếp	795.270.000
2	Nhân công trực tiếp	704.353.000
3	Máy thi công	76.183.000
4	Chi phí sản xuất chung	86.500.000
	Tổng cộng	1.662.306.000

2.2.4. Xác định trung tâm chi phí tại công ty

Trung tâm chi phí sản xuất là một bộ phận có mối quan hệ rõ ràng giữa các chi phí của các nguồn lực với các sản phẩm hoặc dịch vụ của bộ phận đó, mà các nhà quản trị của nó chỉ chịu trách nhiệm đối với các chi phí có thể kiểm soát phát sinh trong bộ phận đó. Thành quả của các trung tâm chi phí sản xuất thường được đánh giá bằng việc so sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán và phân tích các chênh lệch phát sinh.

Ở Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đã có sự phân chia, phân nhiệm rõ ràng không chồng chéo lẫn nhau, cụ thể trung tâm chi phí sản xuất nằm ở các đội thi công hay các ban quản lý dự án. Đội trưởng hay ban chỉ huy công trình là người chịu trách nhiệm về chi phí quản lý phát sinh tại bộ phận. Các đội xây lắp chịu trách nhiệm thi công các công trình nên chi phí vật tư, vật liệu, nhân công và các chi phí khác chủ yếu phát sinh tại đây, và các đội phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đó với mục tiêu tối thiểu hóa chi phí để tăng lợi nhuận ở mức tối đa.

2.2.5. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty

Công ty lập báo cáo hàng quý và hàng tháng cho ban quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình và tiến độ thi công của công trình. Trên báo cáo kế toán đội thi công lập để gửi về công ty chỉ bao gồm những nội dung chính và cơ bản nhất của công trình. Những chỉ tiêu chi tiết của công trình căn cứ vào dự toán đã lập từ trước về chi phí nguyên vật liệu, nhân công và máy.

Báo cáo tiến độ thi công: Nội dung báo cáo các hạng mục công việc đã thực hiện và những vướng mắc cần giải quyết, báo cáo này do đội trưởng đội thi công lập và thực hiện chi tiết cho từng công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể nắm bắt rõ tiến độ thi công thực tế tại công trình từ đó đưa ra phương hướng chỉ đạo cụ thể đảm bảo tiến bộ thi công công trình. (*Phụ lục 21*).

Báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất của công trình: Nội dung của báo cáo này cho nhà quản trị biết chi phí sản xuất của công trình, hạng mục công trình đến thời điểm hiện tại là bao nhiêu, cụ thể chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy...xem có vượt dự toán không. Báo cáo này do kế toán lập

định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu của Ban giám đốc (*Phụ lục 22*).

Báo cáo giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình: Báo cáo này phản ánh giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể biết được lợi nhuận thực tế có hiệu quả không lỗ hay lãi để có phương án điều chỉnh chi phí và giá đấu thầu cho phù hợp. báo cáo này do kế toán lập theo định kỳ quý và khi có yêu cầu của ban lãnh đạo công ty. (*Phụ lục 23*).

Công ty chưa đề cập đến vấn đề lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí.

2.2.6. Thực trạng công tác phân tích và kiểm soát CP sản xuất tại công ty

Kiểm soát chi phí là một trong những ứng dụng quan trọng của kế toán quản trị chi phí có vai trò quan trọng trong quản trị doanh nghiệp, giúp các nhà quản trị đánh giá được hiệu quả của quản trị chi phí hiện tại bằng việc so sánh với chi phí thực tế phát sinh trong kỳ với chi phí dự toán hoặc so sánh chi phí trong mối tương quan với doanh thu, thu nhập tương ứng.

Trong quá trình thực hiện kiểm soát chi phí nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đã phân tích nguyên nhân tăng giảm chi phí nguyên vật liệu giữa dự toán và thực tế theo bảng phân tích chi phí vật liệu thực tế so với dự toán (*Phụ lục 24*)

Việc so sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán sẽ giúp nhà quản trị đánh giá và thực hiện chi phí trong kỳ. Việc so sánh này có ý nghĩa rất lớn nhằm đánh giá khoảng cách giữa chi phí thực hiện và chi phí dự toán để biết được những biến động và có những phương án cụ thể kiểm soát. Theo (*Phụ lục 24*) có xi măng PCB 30 đã sử dụng vượt định mức, còn cát vàng đã sử dụng tiết kiệm hơn so với dự toán, các nhà quản trị sẽ tìm nguyên nhân và đưa ra biện pháp xử lý hiện tượng này.

Xi măng PC30: thực tế thi công tăng 2% so với dự toán, nguyên nhân do trong quá trình thi công, công tác quản lý không chặt dẫn đến công nhân trộn mác xi măng đã tăng lượng xi măng cần thiết, mặt khác yếu tố thời tiết cũng ảnh hưởng thất thoát một số lượng xi măng bị ướt không dùng được.

Cát vàng: thực tế giảm 1,98% so với dự toán, nguyên nhân do tiết kiệm tỉ lệ hao hụt trong công tác xây dựng.

Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ đội sản xuất thi công cũng dựa trên việc kiểm soát tốt.

Tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương chưa quan tâm nhiều đến việc kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp cũng như chi phí máy thi công.

2.2.7. Phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho ra quyết định ngắn hạn tại công ty

Tại công ty các chứng từ ban đầu được chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình tại các tổ đội thi công.

Tại tổ đội thi công nhân viên thống kê trực tiếp tại các đội sẽ tiến hành thu thập toàn bộ chứng từ phát sinh tại đội thi công việc hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh, kiểm tra, phân loại ban đầu về các chi phí sản xuất kinh doanh cho từng công trình, hạng mục công trình và chuyển về phòng kế toán công ty để xử lý, ghi sổ và lập báo cáo.

Phòng kế toán công ty tiến hành thu thập, kiểm tra, xử lý chứng từ có liên quan đến công nợ phải trả, tình hình thanh quyết toán đối với từng công trình, hạng mục công trình cụ thể. Mỗi nhân viên kế toán đều có vai trò vừa là kế toán tài chính vừa là kế toán quản trị. Kế toán quản trị sử dụng các tài khoản chi chiết được mở cho từng công trình, hạng mục công trình theo dõi tính hình biến động của các chi phí sản xuất tiến hành phân tích thông tin thích hợp để ra các quyết định.

Xác định giá đấu thầu dự án, công trình: Việc xác định giá đấu thầu của công ty phụ thuộc vào các yếu tố như: Hồ sơ thiết kế, vị trí địa lý công trình, cấu trúc địa tầng của xây dựng công trình, công nghệ thi công, giá cả vật tư hàng hóa nơi xây dựng công trình. Kế toán sau khi khảo sát thực tế nghiên cứu hồ sơ và giá chào thầu của chủ đầu tư. Giá đấu thầu thường thấp hơn giá chào thầu của chủ đầu tư. Vì vậy công ty cần nghiên cứu kỹ để đưa ra giá thầu phù hợp để trúng thầu. Tuy nhiên do tính chất đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây lắp thường có những khoản chi phí phát sinh ngoài dự kiến ban đầu của chủ đầu tư vì vậy Công ty cần lượng hóa tốt các khoản chi phí sẽ bỏ giá phù hợp cân đối.

Quyết định tự tổ chức thi công hay thuê thầu phụ

Do đặc điểm của sản phẩm xây lắp được chia thành nhiều hạng mục nhỏ và các nhà quản trị thường phát sinh các quyết định nên tự tổ chức thi công tất cả các hạng mục công trình cho đến khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư hay thuê thầu phụ thực hiện một số hạng mục nào đó. Việc quyết định thuê thầu phụ là do công ty không đáp ứng kịp tiến độ của chủ đầu tư hay năng lực thi công của công ty bị hạn chế ở hạng mục nào đó. Khi quyết định thuê thầu phụ công ty cần tính đến chi phí và biện pháp thi công của các hạng mục thuê thầu phụ. Vì vậy để tránh việc thuê ngoài thầu phụ với giá cao công ty cần tìm hiểu kỹ, tính toán làm chủ công nghệ và đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng công trình.

2.3. Đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty

2.3.1. Ưu điểm

Trong quá trình nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương, tác giả nhận thấy công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của lãnh đạo Công ty.

- **Thứ nhất**, Về tổ chức bộ máy kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương tổ chức theo mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trong đó, nhân viên kế toán thực hiện công việc kế toán tài chính và một phần công việc kế toán quản trị. Sự phối hợp công việc của kế toán quản trị chi phí như: kế toán chi tiết, xác định chi phí sản xuất, dự toán chi phí sản xuất đã đáp ứng phần nào cho công tác quản trị chi phí sản xuất tại doanh nghiệp. Thông tin được cung cấp đầy đủ và kịp thời hạn, do công ty áp dụng mô hình kế toán kết hợp này giúp cho nhà quản trị nhận diện và kiểm soát thông tin về chi phí một cách thường xuyên, liên tục.

- **Thứ hai**, Về công tác lập dự toán chi phí sản xuất: Qua khảo sát thực tế tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đã xây dựng định mức các loại chi phí sát với thực tế khi thực hiện. Dự toán chi phí sản xuất được lập làm hồ sơ tham gia đấu thầu và dự toán chi phí sản xuất được lập chi tiết cho từng loại chi phí: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp,

dự toán chi phí máy và dự toán chi phí sản xuất chung làm căn cứ khi giao khoán cho các đội thi công công trình. Các bản dự toán này cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh quyết toán cũng như thanh tra. Trong quá trình xây lắp, doanh nghiệp tiến hành kiểm tra, đối chiếu các khoản mục chi phí phát sinh so với định mức, nhờ có dự toán chi phí sản xuất mà công ty kịp thời có những điều chỉnh, bổ sung các khối lượng phát sinh trước khi làm hồ sơ quyết toán công trình. Dự toán chi phí sản xuất là một phần của kế hoạch kinh doanh tổng thể của công ty, nó cũng là cơ sở quan trọng để điều hành sản xuất kinh doanh và tạo nền tảng cho sự phát triển của doanh nghiệp.

- **Thứ ba**, việc xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp: Ưu điểm nổi bật trong việc xác định chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương chi phí sản xuất được xác định theo phương pháp trực tiếp. Các khoản mục chi phí được hạch toán trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. Giá thành sản phẩm hoàn thành chính là tổng chi phí thực tế của công trình, hạng mục công trình đó. Sử dụng phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm xây lắp của Công ty, đã đáp ứng được yêu cầu quản lý mà Công ty đặt ra, đảm bảo sự thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán với các bộ phận có liên quan. Do những tính chất đặc trưng của doanh nghiệp xây lắp nên việc tính giá thành theo từng công trình hay hạng mục công trình là sự vận dụng linh hoạt phương pháp xác định chi phí theo phương pháp trực tiếp.

- **Thứ tư**, về báo cáo kế toán quản trị: Bên cạnh các báo cáo tài chính phải lập theo quy định của Nhà nước, Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đã lập một số báo cáo kế toán quản trị chi phí như: Báo cáo tiến độ thi công công trình, báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất của các công trình, báo cáo giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình. Các báo cáo này được lập hàng tháng, hàng quý cho ban quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình và tiến độ thi công công trình phục vụ tốt cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp.

Nói chung với những ưu điểm trên mà công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đã đáp ứng được yêu

cầu của kế toán quản trị nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty không tránh khỏi những tồn tại nhất định cần phải hoàn thiện.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

2.3.2.1. Những hạn chế của kế toán quản trị chi phí sản xuất

- **Thứ nhất**, về cách phân loại chi phí phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất và phân tích chi phí: Công ty chưa phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí thành chi phí biến đổi, chi phí cố định hay chi phí hỗn hợp. Do đó công tác phân loại chi phí chưa đáp ứng yêu cầu kế toán quản trị chi phí, những thông tin do kế toán tài chính cung cấp không đủ để đáp ứng yêu cầu phân tích, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp không đánh giá được mức độ tiết kiệm chi phí khi xây dựng các công trình, hạng mục công trình; nhà quản trị không xem xét được khi mức độ hoạt động biến đổi thì chi phí sẽ biến động như thế nào để lập kế hoạch và ra quyết định đúng đắn.

Thứ hai, về công tác kiểm soát chi phí sản xuất: Việc kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương chỉ dừng lại ở việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dựa trên việc so sánh chi phí thực tế và chi phí dự toán. Còn việc kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp và chi phí máy thi công chưa được Công ty đề cập đến.

Thứ ba, về việc phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho ra quyết định ngắn hạn tại công ty và lập báo cáo kết quả kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí. Công ty chưa chú trọng đến việc phân tích mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận. Đây là công cụ hết sức hiệu quả trong quản lý chi phí sản xuất để giúp nhà quản trị đưa ra được những quyết định quan trọng. Như vậy kế toán quản trị chi phí chưa thực sự là công cụ đắc lực cho nhà quản trị trong việc quản trị chi phí và tìm ra giải pháp quản trị. Các nhà quản trị cần kiểm soát được chi phí một cách hiệu quả thì các thông tin của hệ thống kế toán hiện tại chưa đáp ứng được. Các thông tin phục vụ công việc và điều hành sản xuất kinh doanh của các nhà quản trị chỉ có thể được cung cấp hiệu quả nhất từ hệ thống kế toán quản trị chi phí.

Mặc khác công ty cũng chưa quan tâm đến việc xây dựng lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí nhằm mục đích đánh giá kết quả kiểm soát chi phí phát sinh theo từng bộ phận, hạng mục công trình, công trình.

2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Các nhà quản trị doanh nghiệp chưa nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của kế toán quản trị chi phí. Kế toán quản trị chi phí vẫn còn là một vấn đề mới mẻ, chưa bắt buộc đối với các doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ xem trọng các báo cáo của kế toán tài chính để quan tâm đến nghĩa vụ nộp thuế mà chưa chú trọng các báo cáo của kế toán quản trị chi phí vì vậy các nhà quản trị doanh nghiệp chưa thấy được sự cần thiết của kế toán quản trị, sự cần thiết của các thông tin kế toán khi xem xét hay đưa ra một quyết định, lựa chọn một phương án kinh doanh nào đó. Dẫn đến kế toán quản trị chi phí chưa có điều kiện ứng dụng vào hoạt động cung cấp thông tin cho điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của người làm kế toán và kế toán quản trị chi phí còn hạn chế. Qua khảo sát cho thấy trình độ của nhân viên kế toán không đồng nhất, trình độ chuyên môn về kế toán quản trị còn thấp nên không thấy được tầm quan trọng của Kế toán quản trị trong việc ra quyết định kinh doanh. Sự nhận thức và hiểu biết về kế toán quản trị của nhân viên kế toán vẫn còn rất mới mẻ nên chưa có kinh nghiệm tổ chức thực hiện và áp dụng vào thực tế công việc.

Chế độ đãi ngộ đối với kế toán quản trị chi phí chưa tương xứng. Để đáp ứng yêu cầu của kế toán quản trị thì người làm công việc kế toán quản trị chi phí đòi hỏi phải có năng lực, có trình độ chuyên môn cao nên chi phí cũng cao. Mà các doanh nghiệp chưa trả mức thù lao hợp lý. Vì vậy ở hầu hết doanh nghiệp chưa có kế toán làm chuyên trách công tác kế toán quản trị chi phí mà chỉ có kế toán kiêm nhiệm vừa làm kế toán tài chính kết hợp kế toán quản trị nên hiệu quả công việc không cao.

Hiện tại, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về kế toán quản trị còn thấp. Tại một số trường đại học, cao đẳng đào tạo kế toán quản trị chi phí còn chưa

được chú trọng. Chính vì vậy việc học khoảng cách giữa lý thuyết và thực tế kế toán quản trị chi phí ở các doanh nghiệp còn rất lớn.

Từ những phân tích, đánh giá trên có thể thấy những hạn chế trong công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương hiện nay là do sự thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được cơ chế quản lý kinh tế, môi trường pháp lý và sự hạn chế trong nhận thức của nhà quản trị chưa nhận thức hết được tầm quan trọng, vai trò của thông tin kế toán trong kế toán quản trị chi phí. Do đó việc nghiên cứu hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương là rất cần thiết có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu tình hình thực tế, ở chương này của đề án đã giới thiệu khái quát về đặt điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, về tổ chức quản lý, tổ chức bộ máy kế toán và đi sâu tìm hiểu thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương. Công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty được thể hiện qua đặc điểm chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất, xác định chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp, xây dựng trung tâm chi phí, các loại báo cáo kế toán quản trị về chi phí, công tác tổ chức kiểm soát chi phí trong hoạt động xây lắp, phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho ra quyết định ngắn hạn.

Từ đó, đề án đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất đưa ra được những ưu điểm, những mặt hạn chế làm cơ sở để đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương tác giả trình bày trong Chương 3 của Đề án này.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH HẢI DƯƠNG

3.1. Định hướng phát triển của công ty trong giai đoạn 2026-2030

Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đã đề ra phương hướng và mục tiêu của công ty trong giai đoạn tới:

Duy trì và giữ vững ngành nghề xây dựng truyền thống và phát triển mở rộng thành một công ty đa dạng đầu tư xây dựng các loại công trình.

Công ty sẽ đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ áp dụng công nghệ khoa học kỹ thuật đảm bảo đủ năng lực thu công các công trình hạ tầng, nhà cao tầng...Dựa trên ưu thế về nguồn tài chính ổn định sẵn có, Công ty sẽ tập trung mạnh và đột phá vào việc đầu tư cải tiến trang thiết bị và công nghệ thi công xây dựng hiện có cho ngang bằng trình độ với các doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, rút ngắn tiến độ và nâng cao chất lượng thi công các công trình xây dựng.

Công ty cần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh tạo được thế mạnh cạnh tranh khác biệt, uy tín xây dựng thương hiệu công ty tạo niềm tin cho khách hàng. Tăng cường công tác tham gia đấu thầu các công trình XD CB trong và ngoài địa bàn Thành phố Hải Dương.

Công ty sẽ tổ chức những chuyến tham quan, hợp tác, nghiên cứu học tập kinh nghiệm và chuyển giao những công nghệ, thiết bị thi công xây dựng mới cũng như áp dụng những vật liệu xây dựng mới và biện pháp thi công tiên tiến. Công ty sẽ thường xuyên tham gia các chương trình xúc tiến ngành xây dựng nhằm mục tiêu cập nhật các công nghệ xây dựng tiên tiến.

Phát triển nguồn nhân lực cho mảng thi công xây lắp: dựa trên lực lượng hiện có chủ yếu là đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp tại các công trường xây dựng, các đội thi công và đội ngũ kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật có tay nghề, Công ty sẽ tiếp tục công tác đầu tư và phát triển theo chiều sâu trong việc huấn

luyện, đào tạo. Công ty hướng tới mục tiêu ngày càng chuyên môn hóa sâu hơn nữa trong từng lĩnh vực thi công xây lắp cho cả cán bộ quản lý và các lực lượng công nhân có tay nghề. Công ty sẽ phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đào tạo với các trường Đại học, trường dạy nghề, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao kiến thức cho đội ngũ nhân sự, bổ sung nhân lực cho Công ty từ nhân sự cấp cao đến những công nhân lành nghề.

Tăng cường kiểm soát công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp tại các công trường.

Nghiên cứu cải tiến hình thức tổ chức thi công để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí mang lại hiệu quả cao nhất.

3.2. Sự cần thiết và yêu cầu phải hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty

3.2.1. Sự cần thiết hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất

Thông tin chi phí luôn là thông tin quan trọng đối với các nhà quản lý. Kế toán quản trị chi phí ngày càng trở nên quan trọng và ngày càng khẳng định vai trò của mình trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Kế toán quản trị chi phí xuất phát từ đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường. Đối với Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương kế toán quản trị chi phí sản xuất hiện nay chỉ mới dừng lại ở mức độ đơn giản, mang tính tự phát từ nhu cầu thực tiễn trong việc thi công công trình, hạng mục công trình nên không thể tránh được hạn chế nhất định.

Công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất đã bước đầu hình thành nhưng chưa có sự phân công, phân nhiệm công tác kế toán quản trị chi phí một cách cụ thể. Kế toán quản trị chi phí được tiến hành ở các phòng ban như phòng kế toán tài vụ, phòng hành chính, phòng kỹ thuật, phòng kế hoạch vật tư thiết bị... một cách tự phát để đánh giá chi phí thực tế so với dự toán nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu thông tin cho nhà quản trị trong các tình huống khác nhau, do vậy khả năng đưa ra các quyết định kịp thời và khả năng ứng phó linh hoạt trước biến động của thị trường còn yếu.

Từ những định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới cho thấy trong tương lai cùng với sự phát triển của các ngành kinh tế khác thì nhu cầu xây dựng ngày càng gia tăng khiến cho các doanh nghiệp xây dựng phải cạnh tranh gay gắt với nhau để tồn tại và phát triển. Vì vậy doanh nghiệp xây dựng vừa phải tổ chức thi công tốt, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm xây lắp, nhất là cần thiết phải nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm. Nên biện pháp tối ưu là kiểm soát tốt chi phí, đòi hỏi công ty cần quan tâm hơn nữa đến hệ thống thông tin từ kế toán quản trị chi phí.

Chính vì vậy việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách để giúp Công ty tồn tại và phát triển. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất giúp cho công ty đánh giá tốt và hiệu quả việc thi công công trình, dự án hạng mục công trình. Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất thích hợp sẽ là công cụ đắc lực cho công tác quản trị chi phí sản xuất tại doanh nghiệp nhằm giải quyết bài toán kiểm soát tốt chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.2.2. Yêu cầu phải hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất

Để hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty phải tuân thủ một số quan điểm chung sau:

Thứ nhất, hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định của Nhà nước ban hành nhằm hướng dẫn cho các doanh nghiệp hạch toán một cách thống nhất, dễ dàng cho việc kiểm tra giám sát của Nhà nước. Mỗi doanh nghiệp cụ thể hóa và vận dụng một cách phù hợp với mục tiêu chiến lược xây dựng và phát triển của Công ty, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và yêu cầu trình độ quản lý của Công ty

Thứ hai, hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty, quy mô doanh nghiệp, khả năng trình độ của đội ngũ nhân viên kế toán. Mỗi cách tổ chức đều cần điều kiện riêng biệt đó là điều kiện về sản xuất kinh doanh, trình độ đội ngũ cán bộ, vật chất, công nghệ...

Thứ ba, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất phải kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Thứ tư, phải đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ cho mọi hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất nhằm phục vụ kịp thời cung cấp thông tin cho nhà quản trị ra các quyết định chỉ đạo và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ năm, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí phải xem xét lợi ích và chi phí, nghĩa là đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Theo nguyên tắc này, thông tin cung cấp phải có chất lượng cao, với chi phí phù hợp nhất.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty

3.3.1. Hoàn thiện phân loại chi phí phục vụ cho quản trị doanh nghiệp

Chi phí sản xuất là hết sức quan trọng nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận do đó việc quản lý và giám sát chặt chẽ chi phí là hết sức cần thiết. Để có thể giám sát và quản lý tốt chi phí sản xuất cần phải phân loại chi phí theo các tiêu thức thích hợp.

Việc quản lý chi phí sản xuất không chỉ đơn thuần là quản lý số liệu phản ánh tổng hợp chi phí mà phải dựa trên các yếu tố chi phí riêng biệt để phân tích toàn bộ chi phí sản xuất của từng công trình, hạng mục công trình hay theo nơi phát sinh chi phí. Dưới góc độ xem xét khác nhau, những tiêu chí khác nhau thì chi phí sản xuất cũng được phân loại theo các cách khác nhau để đáp ứng yêu cầu thực tế của nhà quản lý và hạch toán.

Hiện tại, Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương đang thực hiện phân loại chi phí theo nội dung kinh tế chức năng hoạt động mục đích công dụng của chi phí. Việc phân loại này chưa đáp ứng đủ yêu cầu của nhà quản trị. Công ty có thể bổ sung các cách phân loại chi phí sau:

(1) Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được phân thành: Chi phí cố định, chi phí biến đổi và chi phí hỗn hợp.

Mục đích của cách phân loại này là kế toán có thể cung cấp cho nhà quản trị doanh nghiệp những thông tin về sự biến động của từng yếu tố chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí biến đổi, chi phí cố định... theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Theo cách phân loại này khi mức độ hoạt động của công ty thay đổi, các nhà quản trị có thể biết được các khoản chi phí này tăng hay giảm và mức độ biến động là bao nhiêu.

- **Chi phí biến đổi:** Là những loại chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động (Mức độ hoạt động có thể là năng suất lao động, số giờ thuê máy, khối lượng công việc...).

Bảng 3.1: Căn cứ mức hoạt động

Hoạt động	Căn cứ mức hoạt động
Làm đường	Diện tích m2 dài
Làm nhà	Diện tích m2 sàn
Chi phí nhân công trực tiếp	Số ngày công
Tiền lương nhân viên máy	Số giờ máy hoạt động
....	

Tổng chi phí biến đổi thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi, chỉ có chi phí biến đổi đơn vị là ổn định, không đổi. Chi phí biến đổi thường gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nhiên liệu của máy thi công...

- **Chi phí cố định:** Là những loại chi phí không biến đổi khi mức độ hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp, nhưng khi tính cho một đơn vị hoạt động thì chi phí cố định đơn vị thay đổi. Chi phí cố định đơn vị thay đổi tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Chi phí cố định bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền lương nhân viên quản lý được trả cố định theo tháng, chi phí công cụ dụng cụ...

- **Chi phí hỗn hợp :** là loại chi phí mà bản thân nó bao gồm cả các yếu tố của cố định và biến đổi. Xác định được yếu tố cố định và biến đổi trong chi phí hỗn

hợp sẽ giúp ích cho nhà quản lý trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí bao gồm: chi phí sản xuất chung, chi phí máy thi công.

Chi phí sản xuất chung được xác định bằng 5,5% tổng chi phí trực tiếp Chi phí máy thi công căn cứ vào nhật trình ca xe làm thực tế để xác định phần chi phí cố định là khấu hao máy móc thi công còn phần chi phí biến đổi là chi phí nhiên liệu phục vụ máy và lương công nhân vận hành máy.

Để phân tích chi phí hỗn hợp, cần sử dụng phương pháp ước tính.. Có nhiều phương pháp ước tính chi phí. Bằng cách sử dụng phương pháp ước tính cực đại – cực tiểu để phân tích chi phí hỗn hợp, thông qua khảo sát chi phí hỗn hợp ở mức cao nhất và ở mức thấp nhất, chênh lệch chi phí của hai cực được chia cho mức độ tăng gia tăng của khối lượng hoạt động để xác định chi phí biến đổi đơn vị, sau đó loại trừ chi phí biến đổi còn lại là chi phí cố định trong chi phí hỗn hợp.

Chi phí sản xuất của Công ty nên được phân loại theo cách ứng xử của chi phí phục vụ kế toán quản trị theo bảng sau:

Bảng 3.2: Bảng phân loại chi phí theo các ứng xử của chi phí

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG BÊ TÔNG+KÈ ĐÁ ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG GIÁN ĐẾN ĐƯỜNG NÓI RA NGHĨA TRANG NHÂN DÂN THÔN AN THUẬN

STT	Tên chi phí	Chi phí biến đổi	Chi phí cố định	Chi phí hỗn hợp
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (cát, đá, xi măng sắt thép....)	795.270.000		
2	Chi phí nhân công trực tiếp thi công tại công trường	704.353.000		
3	Chi phí máy thi công			76.183.000
3.1	Tiền lương nhân viên vận hành máy	8.630.000	9.770.000.	18.400.000
3.2	Chi phí nhiên liệu	15.586.000		
3.3	Chi phí công cụ dụng cụ		8.327.000	
3.5	Chi phí khấu hao máy thi công		10.161.000	
4	Chi phí sản xuất chung			86.500.000

STT	Tên chi phí	Chi phí biến đổi	Chi phí cố định	Chi phí hỗn hợp
4.1	Chi phí tiền lương bộ phận quản lý công trường	23.260.000		
4.2	Chi phí các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất và điều hành tại công trường	6.500.000		
4.3	Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ quản lý		25.640.000	
4.4	Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý		9.850.000	
4.5	Chi phí điện, nước phục vụ công trường xây dựng	16.700.000		
4.6	Chi phí thí nghiệm (vật liệu, mẫu bê tông...)	4.550.000		
	Cộng	1.581.623.000	56.974.000	

Việc phân chia chi phí theo cách ứng xử của chi phí giúp công ty kiểm soát được chi phí và lập dự toán chi phí hợp lý hơn, có những quyết định phù hợp với từng loại chi phí để công ty có thể tiết kiệm tổng chi phí biến đổi , nâng cao hiệu quả của chi phí cố định trong sản xuất kinh doanh.

Ví dụ như trong bảng trên bằng cách phân tích chi phí hỗn hợp là chi phí tiền lương nhân viên vận hành máy ta thấy căn cứ vào mức hoạt động là số giờ máy hoạt động ta thấy:

Chi phí cố định là chi phí hàng tháng công ty phải trả cố định cho công nhân vận hành máy của công ty là : 9.770.000 đồng

Chi phí biến đổi là số tiền công ty phải trả cho công nhân vận hành máy khi đi thuê ngoài máy móc để phục vụ thi công là: 8.630.000 đồng

(2) Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định

Cách phân loại này gắn với quyền kiểm soát chi phí với cấp quản lý như đội xây lắp, ban quản lý dự án... Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được phân thành:

Chi phí kiểm soát được: Là những chi phí mà nhà quản trị ở cấp quản lý đội xây lắp hay ban quản lý dự án có thẩm quyền quyết định được sự phát sinh và lượng phát sinh của những chi phí này như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh ở các đội xây lắp.

- **Chi phí không kiểm soát được:** Là những chi phí mà nhà quản trị ở đội xây lắp không có thẩm quyền quyết định, không thể dự đoán được chính xác sự phát sinh và lượng phát sinh của những chi phí này vượt quá tầm kiểm soát của nhà quản trị như: chi phí phát sinh do thay đổi thiết kế của chủ đầu tư, chi phí phát sinh do điều kiện thiên nhiên gây ra... những chi phí này đội xây lắp không thể kiểm soát được.

Với cách phân loại này khi công ty xác định được chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được nó sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quản trị thuộc từng cấp quản lý trong công ty làm cơ sở để xác định chi phí phù hợp cho ra quyết định.

Phân loại chi phí phục vụ cho lựa chọn phương án kinh doanh có lợi

Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương có thể phân loại chi phí căn cứ vào việc lựa chọn

phương án kinh doanh có lợi hơn. Theo cách phân loại này chi phí được phân chia làm 3 loại:

Chi phí chênh lệch: là những chi phí khác biệt về chủng loại và mức chi phí giữa các phương án sản xuất kinh doanh. Chi phí chênh lệch chỉ xuất hiện khi so sánh chi phí gắn liền với các phương án trong quyết định lựa chọn phương án tối ưu. Chi phí này có thể là chi phí cố định, chi phí biến đổi hay chi phí hỗn hợp.

Chi phí cơ hội: là những lợi ích tiềm tàng bị mất đi khi lựa chọn thực hiện phương án và hành động này thay cho phương án hoặc hành động khác.

Chi phí chìm: là khoản chi phí đã phát sinh và luôn luôn tồn tại trong các phương án sản xuất kinh doanh khác nhau. Chi phí chìm thường là các chi phí mà

công ty chỉ ra trong quá trình đấu thầu. Chi phí này đã phát sinh và luôn tồn tại dù công ty có trúng thầu hay không.

Cách phân loại này sẽ cung cấp thông tin hữu ích giúp Công ty so sánh được chi phí phát sinh giữa các phương án từ đó ra quyết định lựa chọn công trình để tham gia đấu thầu.

3.3.2. Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất

Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Trong quá trình thực hiện kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty đã phân tích nguyên nhân tăng, giảm chi phí nguyên vật liệu giữa dự toán và thực tế:

- Về khối lượng tăng giảm do các nguyên nhân:

- + Thay đổi thiết kế

- + Tăng do hao hụt vượt mức dự toán nhà nước cho phép hoặc thất thoát trong quá trình thi công không kiểm soát tốt trong quá trình thi công cần có biện pháp quản lý tìm ra khâu làm tăng khối lượng để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

- + Giảm do tiết kiệm được tỷ lệ hao hụt không làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình điều này tốt cho công tác quản lý.

- Đơn giá tăng giảm do các nguyên nhân:

- + Tăng do biến động giá nếu nhà thầu mua vật tư đúng thông báo giá tăng do biến động theo quy định sẽ được điều chỉnh giá sau khi quyết toán công trình. Tuy nhiên nhà quản trị phải bổ sung vốn bằng tiền để mua vật tư do chênh lệch thực tế so với dự toán.

- + Giảm do thay đổi phương thức cung cấp vật liệu bằng cách tận dụng các vật liệu có sẵn tại công trình như cát, đá... hoặc thay đổi cự ly vận chuyển so với dự toán chi phí vật liệu ban đầu, hoặc thay đổi bằng sản phẩm thay thế có giá thấp hơn không làm thay đổi chất lượng công trình được tư vấn giám sát và chủ đầu tư chấp thuận.

Bảng phân tích chi phí nguyên vật liệu theo (Phụ lục 24)

Bảng 3.3: Kết quả kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

STT	Nguyên nhân	Tăng CP NVLTT	Giảm CP NVLTT	Kiểm soát
1	Do khối lượng phát sinh	x	x	Bình thường
2	Do biến động giá	x	x	Nhà nước bù giá
3	Thay đổi bằng vật liệu khác	x	x	Tốt nếu chi phí giảm và ngược lại
4	Tiết kiệm vật liệu		x	Tốt
5	Hao hụt lớn, lãng phí	x		Không tốt

Mặt khác công ty cần thiết lập thông tin chi tiết trên các chứng từ ban đầu kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp qua từng khâu làm cơ sở cho việc kiểm soát CP NVLTT được hiệu quả:

Khâu mua hàng

Nguyên vật liệu tại công ty chủ yếu do phòng kế hoạch vật tư thiết bị trình xin kế hoạch ban giám đốc và tiến hành lựa chọn nhà cung cấp nên rất có thể xảy ra gian lận khi phòng bắt tay với nhà cung cấp về việc làm giá hoặc làm giảm chất lượng nguyên vật liệu để thu lợi nhuận bất chính. Chính vì vậy công ty cần kiểm soát giá cả, số lượng, chất lượng nguyên vật liệu mà phòng mua bằng việc công ty nên giao cho phòng kế toán kiểm soát. Phòng kế toán sẽ có trách nhiệm theo dõi và kiểm soát giá cả, số lượng, chất lượng cũng như đánh giá, phân tích lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu trình lãnh đạo công ty phê duyệt trước khi làm các thủ tục mua nguyên vật liệu.

Khâu giao và nhận nguyên vật liệu

Trong khâu này do nguyên vật liệu được mua và chuyển thẳng đến công trình hoặc nhập kho công ty nên có thể phát sinh gian lận về chủng loại và số lượng thực nhận hoặc chất lượng nguyên vật liệu không đảm bảo so với hợp đồng ký kết với nhà cung cấp. Do đó công ty cần phải có thủ tục kiểm soát ở khâu này chặt chẽ. Công ty nên giao cho bộ phận giám sát kỹ thuật (không phải là nhân viên thuộc

đội thi công trình) có trách nhiệm kiểm tra, giám sát khi nguyên vật liệu mua về trước khi làm thủ tục nhập kho như xác định nguồn gốc, kiểm tra chất lượng NVL đảm bảo kỹ thuật thông qua phiếu kiểm tra chất lượng lô, nhãn mác các chứng chỉ thí nghiệm xi măng, mác xi măng trộn ... Sau khi NVL đã đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại bộ phận giám sát mới ký xác nhận nhập kho cùng thủ kho.

Khâu sử dụng nguyên vật liệu

NVL sau khi nhập kho hoặc xuất thẳng cho công trình, hạng mục công trình thì phiếu xuất kho, biên bản giao nhận cần chuyển thẳng về phòng kế toán kiểm soát và hạch toán. Phòng kế toán có trách nhiệm kiểm soát và đối chiếu phân tích số nguyên vật liệu thực tế sử dụng so với dự toán thông qua bảng phân tích đã miêu tả (Phụ lục 24)

Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Biến động chi phí nhân công trực tiếp là chênh lệch giữa chi phí nhân công thực tế thực hiện so với chi phí nhân công tiêu chuẩn (dự toán, định mức). (Phụ lục 25) Phân tích biến động chi phí nhân công được phân tích trên hai nguyên nhân biến động là giá lao động và biến động năng suất lao động (NSLĐ).

- Về khối lượng tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Thay đổi thiết kế: Tăng giảm sẽ dẫn đến khối lượng ngày công tăng giảm không do tác động của công tác quản lý.

+ Tăng do vượt định mức nhân công của nhà nước cho phép hoặc lãng phí ngày giờ trong quá trình thi công cần kiểm soát tốt có các biện pháp quản lý tìm ra khâu làm tăng khối lượng ngày công để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

+ Tăng do rút ngắn tiến độ thi công không làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình điều này tốt cho công tác quản lý.

+ Giảm khối lượng ngày công do thay đổi biện pháp thi công, tăng cường máy móc thay người lao động khi đó ca máy sẽ tăng lên cân cân đối hiệu quả sử dụng con người và máy móc.

- Về đơn giá tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Tăng do thay đổi các quy định về định mức chi trả lương tối thiểu của nhà

nước quy định của pháp luật sẽ được điều chỉnh sau khi công trình hoàn thành nhưng nhà quản trị cần bổ sung vốn bằng tiền để chi trả lương cho khoản kinh phí này chênh lệch so với dự toán chờ chủ đầu tư điều chỉnh giá.

Bảng 3.4: Kết quả kiểm soát chi phí nhân công

TT	Nguyên nhân	Tăng CP NCTT	Giảm CP NCTT	Kiểm soát
1	Do khối lượng phát sinh	x	x	Bình thường
2	Do thay đổi quy định trả lương	x	x	Nhà nước bù giá
3	Thay đổi biện pháp thi công		x	Tốt
4	Rút ngắn tiến độ thi công	x	x	Xem xét tốc độ tăng, giảm ít hơn so với chi phí thi công (kết quả có thể tốt hoặc không tốt)
5	Ngày công tăng lãng phí	x		Không tốt

Nhận xét:

Thông qua Bảng phân tích chi phí nhân công trực tiếp thực tế so với dự toán ở (Phụ lục 25) ta thấy chi phí nhân công trực tiếp thực tế so với dự toán giảm 1,5% tương ứng giảm hơn 10 triệu đồng lý do trong quá trình thi công công trình: Đường bê tông + kè đá đoạn từ nhà ông Gián đến đường nối ra nghĩa trang thôn An Thượng bộ phận thi công đã thay đổi biện pháp thi công sử dụng máy móc thay cho con người tăng cường thuê máy móc san lấp đường do đó làm giảm chi phí nhân công và tăng chi phí thuê máy.

Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí máy

Công ty nên lập bảng phân tích chi phí máy thi công thực tế so với dự toán (Phụ lục 26)

Phân tích nguyên nhân tăng giảm chi phí máy giữa dự toán và thực tế:

- Về khối lượng tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Thay đổi thiết kế: không do tác động của công tác quản lý.

+ Tăng do sử dụng vượt định mức dự toán của nhà nước cho phép hoặc lãng phí trong quá trình thi công kiểm soát không tốt cần có biện pháp tìm ra khâu làm tăng khối lượng ca máy để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

+ Tăng do chủ động thay đổi biện pháp thi công nếu có lợi và không ảnh hưởng đến thiết kế thì đây là kết quả tốt.

+ Giảm do tiết kiệm được tỷ lệ hao hụt không làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình điều này tốt cho công tác quản lý.

- Về đơn giá tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Tăng do biến động giá mua nhiên liệu xăng dầu... đúng thông báo tăng do biến động của nhà nước, theo quy định sẽ được điều chỉnh bù giá khi công trình hoàn thành, nhà quản trị cần lưu ý chuẩn bị nguồn vốn bằng tiền để mua nhiên liệu, khi công trình hoàn thành sẽ được chủ đầu tư điều chỉnh giá.

Bảng 3.5: Kết quả kiểm soát chi phí máy

STT	Nguyên nhân	Tăng CP MTC	Giảm CP MTC	Kiểm soát
1	Do khối lượng phát sinh	x	X	Bình thường
2	Do biến động giá	x	X	Nhà nước bù giá
3	Thay đổi biện pháp thi công		X	Tốt
4	Tiết kiệm ca máy thi công, chất lượng đảm bảo		X	Tốt
5	Vượt dự toán, lãng phí	x		Không tốt

Nhận xét:

Thông qua Bảng phân tích chi phí máy thi công thực tế so với dự toán ở (Phụ lục 19) ta thấy chi phí máy thi công thực tế so với dự toán tăng 15,5% tương

ứng tăng hơn 10 triệu đồng lý do trong quá trình thi công công trình: Đường bê tông + kê đá đoạn từ nhà ông Gián đến đường nối ra nghĩa trang thôn An Thượng bộ phận thi công đã thay đổi biện pháp thi công sử dụng máy móc thay cho con người tăng cường thuê máy móc san lấp đường do đó tăng chi phí máy thi công và làm giảm chi phí nhân công trực tiếp.

3.3.3. Hoàn thiện phân tích và xử lý thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ cho ra quyết định và lập báo cáo bộ phận

Phân tích thông tin thích hợp

Để cung cấp thông tin thích hợp cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc ra quyết định, thông tin từ cá sổ chi tiết và báo cáo kế toán quản trị chi phí cần được trình bày dưới dạng phân tích thông tin chênh lệch như sau:

Bảng 3.6: Bảng phân tích chi phí sản xuất

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG BÊ TÔNG KÈ ĐÁ ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG GIÁN ĐẾN ĐƯỜNG NỐI RA NGHĨA TRANG NHÂN DÂN THÔN AN THƯỢNG

TT	Chỉ tiêu	Số dự toán	Số thực tế	Chênh lệch
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	793.245.840	795.270.000	2.024.160
2	Chi phí nhân công trực tiếp	715.208.700	704.353.000	(10.855.700)
3	Chi phí máy thi công	65.986.860	76.183.000	10.196.140
4	Chi phí sản xuất chung	86.500.000	86.500.000	0
	Tổng cộng	1.660.941.400	1.662.306.000	1.364.600

Từ bảng phân tích chi phí sản xuất trên là dương hay âm để nhà quản trị biết được chi phí sản xuất thực tế cao hơn hay thấp hơn dự toán để tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra hướng giải quyết.

Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận

Phân tích mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận là xem xét mối quan hệ nội tại của các nhân tố: Giá bán, sản lượng, chi phí biến đổi, chi phí cố định

và kết cấu mặt hàng, đồng thời xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố đó đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là công cụ hữu ích giúp nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định liên quan đến việc lựa chọn phương án với lợi nhuận tối ưu. Căn cứ vào các nguồn lực hiện có mà doanh nghiệp lựa chọn các yếu tố đầu vào như thế nào để đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng mong muốn.

Căn cứ vào kết quả phân tích, bộ phận tư vấn sẽ đưa ra những cảnh báo về sự thay đổi của lãi thuần khi các yếu tố giá cả vật liệu, tiến độ thi công, phương án thi công có sự biến động. Kế toán căn cứ vào tiến độ, khối lượng, đơn giá trúng thầu có thể lập được báo cáo thu nhập cho từng công trình, hạng mục công trình theo lãi góp.

Bảng 3.7: Báo cáo thu nhập
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG BÊ TÔNG KÈ ĐÁ ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG GIÁN
ĐẾN ĐƯỜNG NÓI RA NGHĨA TRANG NHÂN DÂN THÔN AN THƯỢNG

TT	Chỉ tiêu	Tổng cộng
1	Doanh thu	1.795.913.168
2	Chi phí biến đổi	1.581.623.000
3	Lãi góp = (1)- (2)	214.290.168
4	Chi phí cố định	56.974.000
5	Lợi nhuận hoạt động = (3)-(4)	157.316.168

Ta thấy tại Công ty doanh thu của công trình, hạng mục công trình là không thay đổi nên để đạt được mục tiêu lợi nhuận thì công ty cần có các biện pháp giảm chi phí. Việc phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận sẽ giúp nhà quản trị lựa chọn phương án thi công tối ưu. Kết quả xử lý và phân tích thông tin kế toán quản trị chi phí cần được tổng hợp thành các báo cáo quản trị.

Xây dựng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí

Để xây dựng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương, Công ty cần xác định

đánh giá một số tiêu thức quan trọng cần thiết như: Doanh thu bộ phận, chi phí biến đổi, chi phí cố định bộ phận và chi phí cố định chung toàn công ty.

Chi phí bộ phận: Là toàn bộ chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận và phần chi phí của công ty được phân bổ cho bộ phận đó. Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương sẽ phải xác định được chi phí của từng công trình, hạng mục công trình phát sinh được tính trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó còn chi phí chung của công ty sẽ được phân bổ cho từng công trình hạng mục công trình đó. Bằng cách phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí công ty có thể xây dựng báo cáo bộ phận cho công ty theo lĩnh vực kinh doanh theo mẫu sau

Bảng 3.8: Mẫu báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của CP
BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO CÁCH ỨNG XỬ CỦA
CHI PHÍ

Tháng (Quý)....Năm....

TT	Bộ phận	Công trình 1	Công trình 2	...	Tổng cộng toàn công ty
	Chỉ tiêu				
1	Doanh thu				
2	Chi phí biến đổi				
2.1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (cát, đá, xi măng sắt thép....)				
2.2	Chi phí nhân công trực tiếp thi công tại công trường				
3	Lãi gộp = (1)- (2)				
4	Chi phí cố định bộ phận				
4.1	Chi phí công cụ dụng cụ				
4.2	Chi phí khấu hao máy thi công				
4.3	Chi phí tiền lương bộ phận quản lý công trường				

TT	Bộ phận	Công trình 1	Công trình 2	...	Tổng cộng toàn công ty
	Chỉ tiêu				
4.4	Chi phí các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất và điều hành tại công trường				
4.5	Chi phí điện, nước phục vụ công trường xây dựng				
4.6	Chi phí thí nghiệm (vật liệu, mẫu bê tông...)				
5	Lợi nhuận bộ phận = (3)-(4)				
6	Chi phí cố định chung				
6.1	Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ quản lý				
6.2	Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý				
7	Lợi nhuận thuần				
8	Tỷ lệ lãi gộp				

(Nguồn tác giả tổng hợp)

3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương

Các nhà quản trị công ty cần nhận thức được vai trò, tầm quan trọng thông tin kế toán quản trị chi phí đem lại, doanh nghiệp cần quan tâm đến việc kiểm soát chi phí.

Xây dựng mô hình tổ chức quản lý

+ Công ty cần xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh thích hợp nhằm phân cấp quản lý trong từng nhóm, phòng ban, tổ đội của Công ty để nâng cao hiệu quả công tác kế toán quản trị chi phí.

+ Có sự phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận trong

việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin

+ Công ty cũng cần xây dựng các định mức khoán cho các đội xây lắp đảm bảo đạt hiệu quả.

+ Xây dựng quy chế thưởng phạt rõ ràng đối với từng cá nhân, tập thể đảm bảo khuyến khích năng suất lao động.

+ Công ty cần nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách và chế độ kế toán hiện hành.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Công ty cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Ban lãnh đạo công ty phải thường xuyên kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất chứng từ kế toán. Kiểm soát nội bộ công cụ hữu hiệu ngăn chặn gian lận, giảm thiểu sót ngày trong chính nội bộ doanh nghiệp. Nó khuyến khích hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp nhằm đạt được sự tuân thủ và các chính sách và quy trình được thiết lập. Công ty thiết lập được hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ giúp công ty:

+ Đảm bảo tính chính xác của các số liệu kế toán và các báo cáo tài chính cũng như báo cáo quản trị của công ty.

+ Ngăn chặn và giảm bớt rủi ro gian lận lỗi có thể vô tình hoặc cố ý gây ra

Cần chú trọng đến vấn đề đào tạo và tuyển dụng nhân viên kế toán

Công ty cần tuyển dụng và có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên kế toán có trình độ cao nhất là trình độ kế toán quản trị. Bên cạnh đó công ty cần quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ kế toán hiện có của công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, trao đổi kiến thức về kế toán quản trị.

- Ứng dụng công nghệ thông tin

Cần nâng cao sự kết nối giữa kế toán quản trị chi phí với công nghệ thông tin. Do phần mềm hiện tại của công ty chỉ đáp ứng nhu cầu về kế toán tài chính mà chưa có phần hành kế toán quản trị. Chính vì vậy, công ty cần nghiên cứu ứng dụng phần mềm kế toán có cả tích hợp phần hành kế toán tài chính và kế toán quản trị để đảm bảo công tác lập báo cáo được kịp thời và chính xác.

Tiểu kết chương 3

Qua nghiên cứu thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương, những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất của Công ty, tác giả đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất. Tác giả trình bày một số điều kiện cần thiết làm cơ sở để thực hiện các giải pháp để Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương có thể nghiên cứu tham khảo vận dụng vào thực tiễn để hoàn thiện hơn công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều cơ hội phát triển cùng với những thử thách mà doanh nghiệp phải đối mặt trong quá trình hội nhập quốc tế. Kế toán quản trị được coi là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu bởi tính linh hoạt, hữu ích và kịp thời của thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp. Thông qua hệ thống kế toán quản trị chi phí doanh nghiệp kiểm soát tốt chi phí và có các quyết định kinh doanh đúng đắn. Chính vì vậy đề án đã nghiên cứu và hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương. Qua đó giúp bộ máy kế toán Công ty phát huy tốt hơn vai trò của mình trong việc kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương, Đề án đã giải quyết được một số vấn đề:

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp và phân tích thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng Trường Thành Hải Dương.

Đề án đã nêu rõ sự cần thiết, yêu cầu cơ bản giải pháp để hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cho phù hợp với yêu cầu quản lý và chế độ kế toán hiện hành.

Những đề xuất, kiến nghị trong đề án xuất phát từ yêu cầu thực tế với cơ sở lý luận khoa học nên phù hợp và có tính khả thi cao.

Ngoài ra, do thời gian tiếp xúc với thực tế chưa nhiều nên đề án không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tác giả mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo, Ban lãnh đạo Công ty và cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty để tác giả ngày càng hoàn thiện bài nghiên cứu của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Hướng dẫn thực hiện 26 chuẩn mực kế toán* – NXB Lao động
2. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp.*
3. Bộ Xây dựng (2023), *Quyết định số 1129/QĐ-BXD ngày 07/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành định mức dự toán phần sửa chữa công trình.*
4. Bộ Xây dựng (2022), *Quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/5/2022 của Bộ Xây dựng ban hành định mức lắp đặt.*
5. Bộ Xây dựng (2022), *Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2022 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.*
6. Bộ Xây dựng (2024), *Thông tư 06/TT-BXD ngày 10/3/2024 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.*
7. Giáo trình kế toán quản trị - Trường Đại học Thương Mại.
8. UBND Thành phố Hải Dương (2022), *Quyết định số 6168/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND Thành phố Hải Dương về việc công bố một số đơn giá xây dựng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hải Dương.*
9. UBND Thành phố Hải Dương (2023), *Quyết định số 7414/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND Thành phố Hải Dương về việc công bố giá nhân công thị trường trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hải Dương.*
10. UBND Thành phố Hải Dương (2024), *Công bố giá vật liệu xây dựng Thành phố Hải Dương số 01/2024/CBGVL-LS ngày 01/3/2024.*
11. Quốc hội Việt Nam (Khóa XI), *Lệnh kế toán 2015, ngày 20/11/2015.*

PHỤ LỤC